

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



VÕ AN BÌNH

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỪ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI PHƯỜNG PHAN THIẾT,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

Lâm Đồng - 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



VÕ AN BÌNH

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỪ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI PHƯỜNG PHAN THIẾT,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 8380107

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

- 1. TS. VÕ TRUNG TÍN**
- 2. TS. TRẦN VĂN BIÊN**

Lâm Đồng – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi khẳng định Đề án này là kết quả tìm hiểu, xem xét, đúc kết, phân tích độc lập của bản thân tôi. Các số liệu, tài liệu và kết quả nghiên cứu được trình bày trong Đề án bảo đảm tính trung thực, chính xác và chưa bao giờ được sử dụng hay công khai trong mọi công trình khoa học nào khác.

Tôi cũng cam kết rằng tất cả những sự hỗ trợ trong quá trình hoàn thiện Đề án đều đã được ghi nhận và bày tỏ lời cảm ơn đầy đủ; các nội dung, dữ liệu, tài liệu được vận dụng, trích dẫn tại Đề án đều được chỉ rõ nguồn gốc theo đúng quy định về trích dẫn khoa học.

Học viên thực hiện

Võ An Bình

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc và chân thành nhất đến nơi tôi công tác là UBND phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ nhiệt tình cho tôi trong thời gian thực hiện đề án tốt nghiệp với đề tài “*Pháp luật về bảo vệ môi trường từ thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng*”.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các anh chị chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường trực tiếp phụ trách lĩnh vực môi trường. Sự tận tâm, nhiệt huyết và chuyên môn sâu rộng của các anh chị đã giúp tôi có được những kiến thức thực tiễn quý báu, đồng thời hỗ trợ tôi trong việc phân tích, tổng hợp, đúc kết số liệu và giải đáp các thắc mắc liên quan đến các cơ sở pháp lý về bảo vệ môi trường. Sự giúp đỡ của các anh chị đã góp phần giúp tôi hoàn thiện và tăng cường hiệu quả đề án, đồng thời là minh chứng cho tinh thần trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và chuyên viên của phường Phan Thiết.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ sự biết ơn chân thành đến TS. Võ Trung Tín và TS. Trần Văn Biên đã tận tình hướng dẫn, đồng hành cùng tôi trong xuyên suốt thời gian tìm hiểu, phân tích, đúc kết kết quả thực hiện và hoàn thiện đề án. Sự chỉ dẫn chuyên môn sâu sắc, những lời khuyên quý báu và sự động viên kịp thời của quý giảng viên đã giúp tôi vượt qua khó khăn, hoàn thiện đề tài một cách khoa học, đồng thời nâng cao năng lực và sự tự tin trong lĩnh vực Luật Kinh tế.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả người dân, các hộ kinh doanh trên địa bàn phường đã hỗ trợ, tạo thuận lợi và chỉ bảo, hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp. Tôi hy vọng rằng kết quả nghiên cứu sẽ góp phần nhỏ bé vào việc tăng cường hiểu biết và áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn và kính chúc TS. Võ Trung Tín và TS. Trần Văn Biên, tập thể Ủy ban dân dân phường Phan Thiết và tất cả người dân, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất thương mại trên địa phương sức khỏe, thành công, công tác tốt!

Võ An Bình

TÓM TẮT

PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỪ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI PHƯỜNG PHAN THIẾT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng là đơn vị hành chính mới được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập phường Phú Trinh, phường Lạc Đạo và phường Bình Hưng thuộc tỉnh Bình Thuận cũ. Với vị trí địa lý tiếp giáp biển Đông, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh các ngành kinh tế chủ lực như thủy sản, du lịch, kinh doanh, đầu tư thương mại và dịch vụ. Vị trí này tập trung đông đảo chủ thể kinh doanh trong nhiều ngành nghề, có thể kể đến như: thực phẩm, du lịch, dịch vụ,...phục vụ không chỉ người dân địa phương mà còn cả lượng lớn du khách, tạo nên một môi trường kinh doanh sôi động, đa dạng và góp phần định vị phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng như một điểm đến hấp dẫn trên bản đồ du lịch Việt Nam. Đề án chú trọng tìm hiểu, làm rõ các chế tài pháp luật hiện hành, đồng thời nghiên cứu, đánh giá hiện trạng thực tiễn thực thi pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết. Qua thực tiễn cho thấy, tình trạng vi phạm quy định về bảo vệ môi trường vẫn diễn ra phổ biến, nổi bật là tại các chủ thể kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ khách du lịch. Những vi phạm này không chỉ đe dọa sức khỏe và quyền lợi Nhân dân mà còn tác động tiêu cực đến uy tín và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Qua đó, đề án đề xuất các phương án nhằm nâng cao hiệu lực khung pháp lý và khả năng áp dụng hiệu quả pháp luật đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng. Các phương án bao gồm: Đảm bảo hiệu quả năng lực quản lý nhà nước tại địa phương; đẩy mạnh thông tin, giáo dục pháp luật về BVMT đến quần chúng Nhân dân và doanh nghiệp; đồng thời siết chặt công tác quản lý và áp dụng chế tài phù hợp với các hành vi vi phạm. Việc thực hiện hiệu quả các giải pháp này nhằm cải thiện môi trường an toàn, ổn định, qua đó góp phần bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

ABSTRACT

Phan Thiet Ward, Lam Dong Province, is a newly established administrative unit formed on July 1, 2025, through the merger of Phu Trinh, Lac Dao, and Binh Hung wards of the former Binh Thuan Province. With its geographical location adjacent to the East Sea, Phan Thiet Ward has favorable conditions for the development of key economic sectors such as fisheries, tourism, trade, and services. The area is home to a large number of organizations and individuals engaged in various business activities, including food services, tourism, and other service sectors, serving both local residents and a significant number of tourists.

This study focuses on examining current legal regulations on environmental protection and analyzing their practical implementation in Phan Thiet Ward. In practice, violations of environmental protection regulations remain common, particularly among household businesses and food service establishments catering to tourists. These violations not only pose direct threats to public health and residents' rights but also negatively affect the reputation and sustainable development of the local tourism industry.

Based on an assessment of the current situation, the study proposes several solutions aimed at improving the legal framework and enhancing the effectiveness of environmental law enforcement in accordance with local conditions. These solutions include strengthening local state management capacity, intensifying legal dissemination and public awareness on environmental protection, and tightening inspection, supervision, and strict handling of violations. The coordinated implementation of these measures aims to build a safe and healthy environment, protect the legitimate rights and interests of residents, and contribute to sustainable socio-economic development in Phan Thiet Ward, Lam Dong Province.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Mục tiêu của đề tài.....	5
3.1. Mục tiêu tổng quát.....	5
3.2. Mục tiêu cụ thể	6
3.3 Câu hỏi nghiên cứu.....	7
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	8
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	8
4.2. Phạm vi nghiên cứu	8
5. Phương pháp nghiên cứu	9
6. Ý nghĩa nghiên cứu	10
7. Kết cấu của đề án	11
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	12
1.1. Khái quát về bảo vệ môi trường	12
1.1.1. Định nghĩa môi trường và bảo vệ môi trường.....	12
1.1.2. Đặc điểm của hoạt động bảo vệ môi trường	15
1.2. Khái niệm, nội dung và vai trò của pháp luật bảo vệ môi trường	18
1.2.1. Tổng quan về pháp luật về bảo vệ môi trường.....	18
1.2.2. Vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường	20
1.3. Khung pháp lý của Việt Nam về bảo vệ môi trường.....	21
1.3.1. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.....	21
1.3.2. Các chế tài về bảo vệ môi trường theo hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam	24
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	28
CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHAN THIẾT	29

2.1. Tổng quan về công tác thực hiện bảo vệ môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng	29
2.1.1. Đặc điểm tình hình thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết	29
2.1.2. Đặc điểm công tác bảo vệ môi trường của phường Phan Thiết	32
2.1.3. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường	33
2.2. Thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng	39
2.2.1. Khái quát tình hình áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết	39
2.2.2. Những kết quả đạt được	41
2.3. Đánh giá công tác áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng	42
2.3.1. Đánh giá chung	42
2.3.2. Những hạn chế, bất cập trong thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị tại phường Phan Thiết	43
2.3.3. Nguyên nhân	45
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	55
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI PHƯỜNG PHAN THIẾT	56
3.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường	56
3.2. Kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng	62
3.2.1. Kiến nghị tại địa phương	62
3.2.2. Kiến nghị cấp tỉnh, Trung ương	68
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	74
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn.....	45
Bảng 2.2. Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn.....	47

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
BVMT		Bảo vệ môi trường
CTRSH		Chất thải rắn sinh hoạt
CTNH		Chất thải nguy hại
HĐND		Hội đồng nhân dân
IOC	Intelligent Operation Center	Trung tâm Điều hành Thông minh
SGD		Đô la Singapore
UBND		Ủy ban nhân dân

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người sống trong môi trường tự nhiên, vì vậy môi trường tự nhiên là điều kiện đơn giản nhất để sinh vật sống tồn tại và là nguồn tài nguyên cho sự phát triển và thịnh vượng của nền kinh tế. Không có môi trường tự nhiên rộng lớn của trái đất thì con người không thể tồn tại và sinh sản được. Với sự gia tăng dân số nhanh và phát triển lực lượng sản xuất, tiến bộ nhanh chóng của khoa học công nghệ, các chất thải từ công nghiệp và đời sống tiếp tục tăng lên dẫn đến ô nhiễm ở nhiều thành phần thêm trầm trọng, mất cân bằng sinh thái tự nhiên đã bị tác động và tàn phá dữ dội. Nhiều tài nguyên đang giảm dần từng ngày và đứng trước nguy cơ cạn kiệt; xói mòn đất và sa mạc hóa đất có chiều hướng gia tăng, lương thực và sức khỏe con người bị đe dọa nghiêm trọng. Vì vậy, việc BVMT là những nội dung cơ bản ảnh hưởng đến sự tồn tại và sự tăng trưởng của xã hội. Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường có chiều hướng mở rộng và ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống người dân, việc tìm hiểu và phân tích hiệu quả thực thi pháp luật về BVMT ở từng địa phương là hết sức cần thiết.

Trong tiến trình đổi mới toàn diện đất nước, việc đổi mới mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp, số hóa và gần dân, sát dân là bước đi quan trọng trong chiến lược cải cách thể chế quốc gia. Trong đó, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), thay vì tổ chức đồng thời 3 cấp như trước, đã và đang trở thành giải pháp thiết thực nhằm quản lý xã hội trong tình hình mới, tạo đà cho bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội bền vững, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong kỷ nguyên số. Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo hai cấp, cấp xã giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình BVMT và thi hành pháp luật về BVMT. Là cấp chính quyền gần dân nhất, chính quyền cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát thực tế theo khu vực hành chính quản lý, nắm bắt kịp thời các nguồn gây ô nhiễm, hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và tổ chức triển khai các biện pháp phòng ngừa, kiểm tra, giám sát ngay từ cơ sở. Việc phát huy vai trò của cấp xã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm kịp

thời, thực chất và đáp ứng với cơ sở vật chất thực tiễn đơn vị cấp xã, qua đó tăng cường trách nhiệm của dân cư và thúc đẩy quản lý môi trường bền vững trong mô hình chính quyền hai cấp.

Phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng – một đơn vị đang phát triển nhanh về kinh tế và xã hội – đang phải giải quyết với nhiều vấn đề môi trường như rác thải sinh hoạt chưa được xử lý đảm bảo, suy giảm chất lượng không khí, nước thải sinh hoạt và tình trạng lấn chiếm đất công, phá vỡ cảnh quan sinh thái. Tuy các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành đã được xây dựng tương đối đầy đủ và toàn diện, nhưng trong thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết vẫn tiếp diễn nhiều khó khăn. Nổi bật, công tác quản lý nhà nước về môi trường còn bộc lộ những thiếu sót như: thiếu đội ngũ chuyên môn, sự phối hợp chưa hiệu quả giữa các cơ quan quản lý, việc quản lý chưa thường xuyên, chặt chẽ và nhận thức pháp luật của người dân về BVMT còn hạn chế. Chính vì vậy, việc lựa chọn đề án “Pháp luật về bảo vệ môi trường từ thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng” không chỉ mang tính cấp thiết về mặt lý luận và thực tiễn, mà còn góp phần đưa ra những thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương, từ đó đưa ra các phương án nhằm nâng cao khả năng thực thi pháp luật, thúc đẩy kinh tế - văn hóa – xã hội gắn với BVMT.

Việc tìm hiểu, đánh giá cả về mặt pháp lý cũng như thực tiễn về việc áp dụng các quy định về BVMT tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng nhằm xử lý những hạn chế, những điều chưa đáp ứng cần thay đổi là yêu cầu cấp thiết trong quản lý nhà nước về BVMT. Do vậy, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề án: “Pháp luật về bảo vệ môi trường từ thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng”.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, có khá nhiều các bài viết, các đề tài khoa học liên quan trực tiếp đến phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đã nhận được nhiều sự quan tâm, chú ý của các chuyên gia, có nhiều công trình khoa học chuyên sâu đã được công bố ở những khía cạnh khác nhau như:

- Đỗ Thị Hường (2020), “Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước ở Việt Nam hiện nay”, Luận án Tiến sĩ, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án hệ thống hóa các kết luận phân tích khoa học đã được giới thiệu trước đây, qua đó góp phần bổ sung và làm rõ các yếu tố về bảo vệ môi trường nước. Trên nền tảng đó, luận án tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm hoàn thiện pháp luật về BVMT nước của các quốc gia, phân tích, rút ra những giá trị tham khảo có ý nghĩa đối với Việt Nam. Đồng thời, luận án tập trung xem xét, đưa ra thực tế hoàn thiện pháp luật về BVMT nước ở Việt Nam trên cả phương diện nội dung và hình thức trong thời gian qua, qua đó đưa ra các định hướng và các phương pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường nước.

- Nguyễn Thị Cẩm Anh (2019), “Pháp luật kiểm soát ô nhiễm nước: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội. Luận văn tập trung tìm hiểu, phân tích các cơ sở lý luận và pháp lý về quản lý ô nhiễm nước. Trên cơ sở đó, luận văn đánh giá thực tế quy định pháp luật và việc tổ chức áp dụng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nước tại Việt Nam, qua đó đề xuất các định hướng và phương án nhằm kiện toàn pháp luật cũng như tăng cường hiệu quả áp dụng pháp luật trong lĩnh vực này.

- Nguyễn Thị Hạnh (2021), “Hoàn thiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam”, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Tạp chí công thương. Bài viết đưa ra các điểm thực tiễn các quy định pháp luật về quản lý và bảo toàn tài nguyên nước. qua đó, tác giả làm rõ các quan điểm tiếp cận, đồng thời đề xuất những kiến nghị và phương án nhằm kiện toàn cơ chế, chính sách và tăng cường hiệu quả áp dụng pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam.

- Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013. Luận án làm rõ khái niệm trách nhiệm pháp lý theo nghĩa tiêu cực, đồng thời phân tích hình thức thể hiện, phạm vi và đối tượng tác động của pháp luật này ở Việt Nam.

- TS. Võ Trung Tín (2020). Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền. Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật. Tác phẩm đã nêu ra các nguyên tắc về bảo vệ môi trường, sách đưa ra lý luận, quy định hiện hành và giải pháp thực thi hiệu quả tại Việt Nam; đưa ra dẫn chứng, các sự so sánh nhằm hỗ trợ người đọc hiểu biết nhiều hơn về BVMT qua khía cạnh pháp lý.

- Tạ Văn Khôi (2023). Thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Luận văn đã cơ bản làm rõ những vấn đề nền tảng lý thuyết về thực hiện pháp luật BVMT trong các khu công nghiệp, đồng thời đánh giá tổng quan những mặt được, những hạn chế và đề xuất những phương án nhằm tăng cường khả năng thi hành pháp luật trong các khu công nghiệp của Việt Nam. Qua nghiên cứu trên, đề xuất những quan điểm, ý kiến của cá nhân tác giả nhằm thực thi hiệu quả pháp luật về BVMT.

- Bùi Thị Thanh Hà (2018). Pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Hải Châu, Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế, Trường Đại học Huế. Công trình khoa học này đã phân tích và đánh giá việc áp dụng pháp luật về BVMT từ thực tiễn áp dụng tại quận Hải Châu, từ đó đưa ra những phân tích, giải pháp nhằm thực thi hiệu quả pháp luật về BVMT trên địa bàn quận Hải Châu.

- Đậu Hồng Cảnh (2019), Pháp luật về xử lý rác thải sinh hoạt, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị, Luận văn Thạc sĩ Luật học, trường Đại học Huế. Công trình khoa học đã nghiên cứu, đánh giá việc thực thi pháp luật về BVMT, đặc biệt là các quy định của pháp luật về giải quyết rác thải sinh hoạt, từ đó nhận xét, phân tích; đồng thời đưa ra những giải pháp, đề xuất nhằm kiện toàn cơ chế thực hiện pháp luật về BVMT nói chung, các quy định của pháp luật về xử lý rác thải sinh hoạt nói riêng.

Tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung cụ thể vào cấp xã, đặc biệt là tại khu vực duyên hải miền trung như phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, còn khá hạn chế. Trong khi đó, cấp xã là nơi trực tiếp triển khai các chính sách, pháp luật môi trường đến người dân, và có vị trí then chốt trong công tác giám sát, kiểm tra môi trường cơ sở. Do vậy, việc nghiên cứu việc pháp luật về BVMT từ thực trạng áp dụng tại phường Phan Thiết không chỉ làm rõ những đặc thù trong hoạt động áp dụng pháp luật tại cấp

cơ sở, mà còn bù đắp những thiếu hụt trong hệ thống nghiên cứu hiện nay, qua đó cung cấp điều kiện thực tế cho việc hoàn thiện chính sách và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương.

Qua việc khảo sát các luận văn, luận án và bài báo, công trình phân tích, đánh giá khoa học đề cập đến pháp luật BVMT, cho thấy rằng các nghiên cứu gần đây đã tập trung làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng. Các công trình đã phân tích kỹ lưỡng về ý kiến đánh giá, thực trạng pháp luật, cũng như các phương án hoàn thiện cơ chế pháp lý và tăng cường khả năng thực thi. Đặc biệt, một số công trình nghiên cứu đã đi sâu vào thực tiễn BVMT tại các tỉnh thành trong cả nước, từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính cụ thể và thực tiễn.

Tuy nhiên, vẫn còn tiếp diễn một vài bất cập nhất định trong một số nghiên cứu hiện có. Nhiều công trình chủ yếu tập trung phân tích chung chung ở cấp quốc gia, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về quá trình hoạt động tại các địa phương cụ thể như phường Phan Thiết, nơi có đặc thù về kinh tế, văn hóa và xã hội. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu chưa khai thác sâu các yếu tố tác động đến việc thực thi pháp luật trong bối cảnh thực tế, cũng như chưa đề cập toàn bộ đến vị trí đặc biệt của các chủ thể tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt là sự chung tay của các Hội, đoàn thể và người dân.

Đề án kế thừa các kết quả có giá trị từ những công trình trước, đồng thời hướng đến việc bổ sung và làm rõ thêm các vấn đề còn chưa được quan tâm đầy đủ. Cụ thể, đề án tập trung vào phân tích thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật BVMT qua thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết, qua đó kiến nghị phương án phù hợp với đặc điểm địa phương. Ngoài ra, đề án còn làm rõ những thuận lợi và bất cập trong thực tế áp dụng, góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu.

3. Mục tiêu của đề tài

3.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chính của đề án là nghiên cứu và phân tích các quy định pháp luật hiện nay về BVMT từ thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng. Qua

đó, đánh giá tình hình thực thi pháp luật, nhận diện những vấn đề còn tồn tại và đưa ra những kiến nghị nhằm kiện toàn hệ thống pháp luật cũng như tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, làm rõ các quy định pháp luật liên quan đến BVMT, đặc biệt là các điều từ Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Thứ hai, nhận xét, phân tích từ thực tiễn thi hành pháp luật tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai và thực hiện các biện pháp nhằm BVMT từ các chế tài của pháp luật về BVMT bao gồm sự tham gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cơ sở kinh doanh và người dân trên địa bàn phường.

Thứ ba, nhận diện những vấn đề còn tồn tại trong khung pháp lý và thực tiễn áp dụng, như việc kiểm tra, giám sát công tác BVMT, ý thức của các chủ thể trong việc BVMT hoặc việc đưa vào thực tiễn các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT tại địa phương. Đồng thời, trình bày các kiến nghị nhằm kiện toàn pháp luật và tăng cường khả năng thực thi pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết, đảm bảo quyền lợi của Nhân dân, doanh nghiệp, môi trường tại địa phương được bảo vệ một cách tốt nhất.

Để đạt được những kết quả đã đưa ra như trên, đề án cần thực hiện:

- Xây dựng cơ sở lý luận về pháp luật BVMT và vai trò của cơ quan quản lý có thẩm quyền trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật ở cấp địa phương.

- Khảo sát, phân tích thực trạng thực hiện pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết, bao quát các hoạt động như công tác quản lý nhà nước, việc thực hiện các chế tài pháp luật, vai trò của chính quyền phường, tổ dân phố, và quan niệm chấp hành pháp luật của người dân.

- Chỉ ra những bất cập, hạn chế trong tiến trình thực thi pháp luật tại địa phương như: thiếu nhân lực chuyên môn, thiếu kinh phí, ý thức cộng đồng chưa cao, hoặc sự vào cuộc chưa đạt kết quả cao giữa các cơ quan, đơn vị.

- Đề xuất ý kiến, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, trong đó khẳng định vị trí quan trọng của chính quyền địa phương, cơ chế thực hiện, công tác thông tin, truyền thông và tăng cường năng lực thực thi pháp luật.

3.3 Câu hỏi nghiên cứu

Đề án đưa ra các câu hỏi nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành đã quy định như thế nào về bảo vệ môi trường và các quy định này có được áp dụng hiệu quả trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng hay không?

Thứ hai, thực trạng áp dụng pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng hiện nay ra sao? Những bất cập và trở ngại lớn nhất trong quá trình áp dụng pháp luật là gì?

Thứ ba, nguyên nhân nào dẫn đến những khó khăn hoặc thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, bao gồm cả yếu tố pháp lý, tổ chức thực thi và nhận thức của các bên liên quan?

Thứ tư, những giải pháp nào có thể được áp dụng để kiện toàn pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng?

Dựa trên các câu hỏi, phân tích, đánh giá trên, đề án đưa ra các giả thuyết nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, cơ chế pháp lý của Việt Nam hiện hành đã có những quy định cụ thể và cơ bản hoàn thiện về bảo vệ môi trường, nhưng việc đưa vào triển khai tại thực tiễn trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng còn gặp nhiều hạn chế.

Thứ hai, quá trình triển khai các biện pháp nhằm BVMT chưa được hiệu quả do nhiều nguyên nhân, bao gồm nhận thức của người dân, vai trò quan trọng của doanh nghiệp và năng lực quản lý của cơ quan nhà nước.

Thứ ba, các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng vẫn tồn tại, tác động tiêu cực đến sức khỏe Nhân dân.

Thứ tư, việc tăng cường năng lực thi hành pháp luật tại địa phương cần có sự chung tay đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công ty và người dân cùng với việc hoàn thiện khung pháp lý hiện hành.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề án “Pháp luật về bảo vệ môi trường từ thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng” định hướng phân tích, đánh giá các vấn đề dẫn đến quy định pháp luật và khả năng áp dụng các chế tài pháp luật về BVMT. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và bối cảnh hiện nay áp dụng các quy định này tại cấp xã, cụ thể là tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng. Đề tài tập trung vào các hoạt động quản lý nhà nước về môi trường, việc thực thi pháp luật của chính quyền địa phương, cũng như sự tham gia và quan niệm chấp hành pháp luật của người dân và đơn vị trên địa bàn.

Đồng thời, phân tích, đánh giá thực tế việc thực hiện pháp luật về BVMT dưới góc độ pháp lý ở các vấn đề cụ thể, như: việc BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết; cách BVMT từ việc thực thi các quy định của nhà nước để xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường; các phương án nhằm BVMT của phường Phan Thiết; chỉ ra những điểm còn hạn chế trong quy định pháp luật về BVMT và xử lý vi phạm thuộc lĩnh vực môi trường, cũng như dưới góc độ thực tiễn xử lý, giải quyết, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước trên lĩnh vực môi trường ở tình hình thực tế tại địa phương... Qua đó, đưa ra những kiến nghị nhằm kiện toàn và tăng cường khả năng áp dụng thực tiễn pháp luật về BVMT tại địa phương.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề án tập trung nghiên cứu trong phạm vi quy định của pháp luật bảo vệ môi trường trên cơ sở các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cũng như các văn bản dưới luật khác. Tập trung nghiên cứu, nhận xét, đánh giá các quy định pháp luật liên quan đến BVMT tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng. Đánh giá thực tiễn triển khai, hiệu quả áp dụng pháp luật tại phường Phan Thiết, bao gồm công tác tổ

chức thực hiện của chính quyền cơ sở, kiểm tra, xử lý vi phạm và truyền thông, giáo dục pháp luật.

Phạm vi nội dung: Đề án tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phạm vi không gian: Đề án tập trung nghiên cứu thực tiễn tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phạm vi thời gian: Đề án tập trung nghiên cứu, đánh giá, nhận xét các quy định pháp luật, chú trọng là các văn bản pháp luật kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực đến nay, nhằm bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với thực tiễn.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai đề án, người viết đã sử dụng đồng bộ một số các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

Phương pháp phân tích luật học: được vận dụng nhằm phân tích, nhận xét các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật cũng như hiệu quả thực thi pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

Phương pháp tổng hợp, hệ thống: được sử dụng để phân tích, tổng kết những vấn đề đã phân tích, chứng minh qua đó rút ra những nhận định, giải pháp nhằm đáp ứng được mục tiêu của đề án. Đồng thời, để hệ thống hóa nội dung nghiên cứu, làm cho các vấn đề nghiên cứu trở nên logic, dễ hiểu.

Phương pháp so sánh luật học: được sử dụng để so sánh và chỉ ra sự giống và khác nhau trong các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về BVMT của Luật BVMT năm 2025 tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

Đồng thời, việc phân tích, nhận xét đề tài dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật. Bên cạnh đó, để tổng quát và đầy đủ, tác giả còn nghiên cứu phương pháp hệ thống hóa văn bản pháp luật nhằm tìm hiểu về tinh thần xây dựng pháp luật của các nhà làm luật. Trên cơ sở kết quả phân tích tác giả đã liên kết, thống nhất lại các thành phần,

các yếu tố trong mỗi liên hệ tổng hợp, từ đó rút ra những điểm bất cập của pháp luật về BVMT từ quá trình áp dụng thực tế tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

Qua đó, tổng hợp các quan điểm lý luận và kết quả nghiên cứu của các học giả, các cá nhân, tổ chức về thực thi pháp luật về BVMT ở cấp cơ sở. Ghi nhận thực tế tại cấp cơ sở như việc xử lý rác thải, ô nhiễm, bảo vệ nguồn nước, cây xanh, nhằm làm rõ sự tương quan giữa chính sách pháp luật và thực tế áp dụng. So sánh việc thi hành pháp luật BVMT tại phường Phan Thiết với phường, xã khác có tính chất giống nhau để rút ra những điểm chung và đặc thù, từ đó nhận định các phương án thực hiện phù hợp.

6. Ý nghĩa nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài có vai trò thiết yếu cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Về mặt lý luận, đề án góp phần xây dựng và làm sáng tỏ các quy định của pháp luật hiện hành về BVMT. Thông qua việc phân tích nội dung, phạm vi điều chỉnh và cơ chế thực thi của pháp luật, nghiên cứu giúp làm sáng tỏ căn cứ pháp luật của công tác BVMT ở cấp xã, từ đó bổ sung và hoàn thiện nhận thức khoa học về pháp luật BVMT trong bối cảnh thực hiện quyền lực nhà nước tại địa phương.

Về mặt thực tiễn, đề án tập trung phân tích, nhận xét thực tiễn thi hành pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, chỉ ra những thuận lợi, kết quả, những khó khăn, thiếu sót và nguyên nhân của các tồn tại trong quá trình thực hiện pháp luật. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm kiện toàn pháp luật và tăng cường hiệu quả áp dụng pháp luật về BVMT, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Đồng thời, kết quả nghiên cứu của Đề án có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo cho các cá nhân, tổ chức khi có nhu cầu. Ngoài ra còn là tài liệu để các nhà làm luật tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật về BVMT.

Từ những đóng góp trên đây, tác giả hy vọng đề án sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho các cơ quan, cá nhân, tổ chức vấn đề áp dụng pháp luật về BVMT, cũng như những người đang nghiên cứu, học tập về pháp luật BVMT nói chung và các quy

định xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực BVMT nói riêng. Đồng thời, tác giả mong muốn đóng góp cho việc kiện toàn pháp luật khi thực thi pháp luật tại địa phương.

7. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài gồm 03 chương.

Chương 1: Tổng quan về bảo vệ môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương 2: Thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

Chương 3: Giải pháp, kiến nghị và đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Khái quát về bảo vệ môi trường

1.1.1. Định nghĩa môi trường và bảo vệ môi trường

Môi trường và bảo vệ môi trường đã sớm trở thành mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế, trong đó BVMT sống của con người hiện là nội dung được đặc biệt quan tâm. Môi trường là một định nghĩa rộng, có tính đa dạng và phức tạp, qua đó việc tiếp cận, chiều rộng và mục đích nghiên cứu mà các nhà nghiên cứu đưa ra những cách hiểu và định nghĩa khác nhau về môi trường.

Từ thực tiễn, ở trong nước cũng như trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, các định nghĩa và khái niệm về môi trường được các tác giả đưa ra chưa hoàn toàn thống nhất, mà được tiếp cận và trình bày bằng nhiều cách không giống nhau. Mặc dù vậy, các quan điểm này đều hướng tới mục tiêu chung là làm rõ bản chất của môi trường trong thế giới xung quanh con người.

Tác giả S.V.Kalesnik định nghĩa về môi trường: “Môi trường chỉ là một bộ phận của trái đất bao quanh con người, mà ở một thời điểm nhất định xã hội loài người có quan hệ tương hỗ trực tiếp với nó, nghĩa là môi trường có quan hệ một cách gần gũi nhất với đời sống và hoạt động sản xuất của con người” (S.V.Kalesnik 1970, tr. 209).

Chương trình môi trường của UNEP định nghĩa: “Môi trường là tập hợp các yếu tố vật lý, hoá học, sinh học, kinh tế – xã hội, tác động trực tiếp lên từng cá thể hay cộng đồng”.

Theo Từ điển tiếng Việt, Môi trường theo định nghĩa thông thường “Là toàn bộ nói chung những điều kiện tự nhiên và xã hội, trong đó con người hay một sinh vật tồn tại, phát triển trong mối quan hệ với con người hay sinh vật ấy” (Hoàng Phê, 2019, tr.168). Ở nước ta, một số tác giả, từ những góc độ tiếp cận khác nhau cũng đã đưa ra những quan niệm về môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường 2020 có cũng đã khái quát định nghĩa về môi trường như sau: *“Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên”*¹.

Đối với sự vật hoặc một sự việc: “Môi trường là tổng hợp các điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới sự vật và sự việc đó”. Chẳng hạn môi trường chân tay không trong hiện tượng vật lý dòng điện, làm phát sáng dây tóc bóng đèn; môi trường đầu tư liên quan đến các điều kiện bên ngoài để các chủ thể bỏ vốn nhằm tìm kiếm lợi ích v v...

Đối với cơ thể sống: Môi trường bao gồm các tác động bên ngoài tác động đến việc sinh sống và phát triển. Chẳng hạn, môi trường sống của sinh vật biển và môi trường sống của sinh vật nước ngọt; môi trường sống của sinh vật trên cạn và môi trường sống của sinh vật dưới nước... Mỗi loài, mỗi cộng đồng và mỗi cá thể sinh vật lại cần có môi trường sống đặc trưng riêng.

Đối với con người: “Môi trường là tổng hợp các điều kiện (hoá học, vật lý, sinh vật và xã hội) bao quanh có ảnh hưởng tới sự sống và phát triển của cá nhân, cộng đồng con người”. Đây là loại môi trường chỉ dành cho con người, nên nó vừa phải nằm trong môi trường sống của thế giới sinh vật nói chung, lại vừa phải có đặc thù riêng liên quan đến sinh hoạt của con người. Như vậy, môi trường là không gian phủ khắp, có tác động đến sự sinh tồn và phát triển của các sinh vật sống. Mỗi vật thể, sinh vật thường tồn tại và phát triển trong một điều kiện nhất định. Do vậy khi tiếp cận về sự sống của các sinh vật, chúng ta thường chú ý đến "môi trường sống", bao gồm các yếu tố tự nhiên xung quanh có tác động như thế nào đến quá trình sinh sống và hoàn thiện của con người².

Từ một số khái niệm, có thể nhận định môi trường sống thành 3 loại:

¹ Khoản 1, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường 2020.

² Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên Đại học Duy Tân, “*Sức Khỏe Môi Trường – Nền Tảng Cho Cuộc Sống Bền Vững*”, tại: <https://kmtkhtn.duytan.edu.vn/tin-tuc/suc-khoe-moi-truong---nen-tang-cho-cuoc-song--0i8qs#:~:text=S%E1%BB%A9c%20kh%E1%BB%8Fe%20m%C3%B4i%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20kh%C3%B4ng,v%E1%BB%81%20t%E1%BA%A5t%20c%E1%BA%A3%20ch%C3%BAng%20ta>.

Môi trường tự nhiên: Gồm các vật chất tự nhiên được cấu thành và phát triển theo tính tất yếu khách quan như đất, nước, không khí, ánh sáng, âm thanh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Môi trường nhân tạo: Là tổng thể các yếu tố vật chất do con người thiết lập để khai thác, sử dụng, sửa chữa các điều kiện tự nhiên phục vụ đời sống và phát triển, tiêu biểu như hệ thống đê điều, công trình nghệ thuật, văn hóa, kiến trúc và các công trình xây dựng khác.

Môi trường xã hội: Là hệ thống các quan hệ xã hội chi phối và ảnh hưởng đến sự sinh sống, hoàn thiện của cá nhân và cộng đồng³.

Trong thực tiễn, ba loại môi trường không tồn tại tách biệt mà đan xen, tương tác chặt chẽ với nhau. Do đó, sự xuống cấp và thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên tất yếu dẫn đến ô nhiễm, giảm chất lượng môi trường tự nhiên, từ đó tác động tiêu cực đến tiêu chuẩn sống của con người. Môi trường có thể được hiểu là mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, bao gồm các thành tố, điều kiện và hoàn cảnh bao quanh con người.

Từ đó ta có thể nhận định: Môi trường là hệ thống các yếu tố tự nhiên và vật chất do con người tạo ra, phủ khắp và tác động trực tiếp đến cuộc sống, sản xuất và sự hoàn thiện của con người cũng như các loài sinh vật.

Bảo vệ môi trường là các hoạt động nhằm giữ gìn, phục hồi, tôn tạo và khôi phục chất lượng môi trường, bao gồm việc phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ tác động không tốt đến môi trường, là quá trình thực hiện có mục đích của con người nhằm giữ gìn, phục hồi, nâng cao và duy trì chất lượng môi trường sống. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã nêu rõ: “Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.”⁴

Bảo vệ môi trường mang ý nghĩa pháp lý mang tính tổng hợp và đa chiều, phản ánh sự can thiệp có chủ đích của Nhà nước và xã hội nhằm giữ gìn, cải thiện môi

³ Thư viện Pháp luật, tại: <https://thuvienphapluat.vn/lao-dong-tien-luong/moi-truong-tu-nhien-la-gi-vi-du-cu-the-vai-tro-cua-moi-truong-tu-nhien-quan-trac-moi-truong-lao-don-30454.html>.

⁴ Khoản 2, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường 2020.

trường sống trong lành, ổn định cho hệ sinh thái bao gồm cả con người. Bảo vệ môi trường không chỉ được hiểu là các hoạt động kỹ thuật xử lý ô nhiễm mà trước hết là hệ thống các quy định của pháp luật nhằm thay đổi hành vi của các chủ thể trong việc ngăn chặn, phòng tránh, kiểm soát và khôi phục các tác động tiêu cực đến môi trường. Khái niệm này thể hiện mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế và xã hội đồng thời hài hòa với yêu cầu BVMT, trong đó pháp luật giữ vai trò là công cụ trung tâm nhằm thiết lập các nguyên tắc cơ bản, tiêu chuẩn môi trường, quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể có liên quan. BVMT còn bao hàm các cơ chế pháp lý về quản lý, giám sát và xử lý vi phạm, qua đó các quy định pháp luật được thực thi một cách thống nhất, kịp thời và có tác dụng tốt trong thực tiễn. Khái niệm BVMT cũng phản ánh trách nhiệm pháp lý của các chủ thể đối với việc gây ô nhiễm, tác động tiêu cực tới môi trường, gắn với yêu cầu cải thiện, tái tạo môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Như vậy, BVMT không chỉ là mục tiêu quản lý nhà nước mà còn là một tiến trình liên tục, có tính phòng ngừa, răn đe và khắc phục, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển lâu dài, đồng thời bảo đảm quyền con người đối với nhu cầu về môi trường.

Trong bối cảnh môi trường đang chịu nhiều tác động xấu từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và phát triển kinh tế, các quốc gia phải thực hiện đồng bộ nhiều phương án BVMT. Trong đó, phương án pháp lý đóng vai trò then chốt, bởi pháp luật thiết lập khuôn khổ bắt buộc chung, định hướng và thay đổi hành vi của các chủ thể. Thông qua pháp luật và cơ chế xử lý vi phạm, Nhà nước quản lý, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa ô nhiễm và tạo nền tảng pháp lý cho các biện pháp kinh tế, giáo dục nhằm BVMT và phát triển bền vững.

1.1.2. Đặc điểm của hoạt động bảo vệ môi trường

Hoạt động BVMT là tổng thể các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm; nâng cao chất lượng môi trường; giữ gìn bền vững tài nguyên và ứng phó với khí hậu thay đổi⁵.

⁵ Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân, “Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm chung của toàn xã hội”, tại <https://dhcsnd.edu.vn/bao-ve-moi-truong-trach-nhiem-chung-cua-toan-xa-hoi#:~:text=Ho%E1%BA%A1t%20%C4%91%E1%BB%99ng%20b%E1%BA%A3o%20v%E1%BB%87%2>

Thực tiễn cho thấy, nguồn tài chính phòng ngừa và kiểm soát luôn hiệu quả và thấp hơn đáng kể so với chi phí giải quyết tình trạng ô nhiễm, sự cố hoặc cạn kiệt môi trường. Vì thế, nguyên tắc BVMT trong Luật BVMT 2020 của nước ta đã nêu rất rõ: “Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải”⁶.

Tại Việt Nam, tình trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên có xu hướng khó lường cả ở đô thị và nông thôn. Ở đô thị, ô nhiễm chủ yếu phát sinh từ rác thải, nước thải và sự tồn tại của các chủ thể gây ô nhiễm trong khu đô thị. Ở nông thôn, ô nhiễm gắn liền với việc sử dụng chất hóa học trong nông nghiệp, suy giảm diện tích rừng, suy thoái đa dạng sinh học và ô nhiễm nghiêm trọng.

Trong bối cảnh thúc đẩy tiến bộ khoa học – công nghệ làm phát sinh khai thác các yếu tố môi trường tự nhiên như khoáng sản, đất đai, nước và rừng, dẫn đến suy thoái, tàn phá môi trường, phá vỡ cân bằng sinh thái và tác động tiêu cực đến con người. Vì vậy, việc ngăn ngừa và kiểm soát môi trường ngay từ đầu có ý nghĩa quyết định trong củng cố chất lượng môi trường.

Bên cạnh đầu tư hệ thống xử lý chất thải đảm bảo yếu tố kỹ thuật BVMT, việc thực hiện nghiêm túc đánh giá tác động môi trường và quy hoạch môi trường ngay từ giai đoạn đầu giữ vai trò then chốt trong hạn chế việc suy giảm nghiêm trọng và ô nhiễm môi trường. Đánh giá tác động môi trường giúp phản ánh, cảnh báo sự ảnh hưởng của các tác nhân gây ô nhiễm đến môi trường, từ đó lựa chọn phương án phát triển phù hợp và bền vững.

Nhà nước cần hoàn thiện chương trình, kế hoạch, quyết định nhằm thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường trong khai thác tài nguyên và loại bỏ chất thải, nhằm giám sát ô nhiễm tại nguồn, giảm thiểu chi phí khắc phục môi trường về lâu dài.

0m%C3%B4i%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20l%C3%A0,%C3%B4%20nh%E1%BB%85m%2C%20suy%20tho%C3%A1i%20m%C3%B4i%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%2C%20c%E1%BA%A3i

⁶ Khoản 4, Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã đề cập “Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên”⁷.

Ở Việt Nam hiện nay, tình trạng này biểu hiện cơ bản sau:

Thứ nhất, ô nhiễm môi trường đất phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất, giao thông, sinh sống, xây dựng và quản lý chất thải chưa hiệu quả. Các chất ô nhiễm phổ biến gồm kim loại nặng, hydrocacbon và các hợp chất độc hại khác, làm suy giảm chất lượng đất và tiềm ẩn nguy cơ xấu đối với con người, đặc biệt là thực phẩm và nguồn nước bị nhiễm bẩn.

Thứ hai, ô nhiễm môi trường nước xuất phát từ việc xả nước thải sinh hoạt và sản xuất chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt yêu cầu vào sông, hồ và hệ thống thoát nước. Thực trạng thiếu hụt và vận hành chưa đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tại nhiều địa phương đã làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng nước mặt và nước ngầm, tác động tiêu cực đến đời sống và sức khỏe của người dân.

Thứ ba, ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu xuất phát từ khí thải từ giao thông, sản xuất công nghiệp, xây dựng và sinh hoạt. Các chất ô nhiễm như CO, SO₂,... và bụi mịn không chỉ làm suy giảm chất lượng không khí mà còn gây ra nhiều bệnh lý nguy hiểm, làm giảm tuổi thọ và điều kiện sống của người dân.

Thứ tư, ô nhiễm tiếng ồn là dạng ô nhiễm phổ biến nhưng không được chú trọng nhiều. Tiếng ồn vượt ngưỡng cho phép từ giao thông, xây dựng và hoạt động sản xuất tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất và tinh thần của con người, làm gia tăng nguy cơ mắc các bệnh tim mạch, thần kinh và rối loạn hành vi.

Như vậy, hoạt động sản xuất và sinh hoạt đô thị đang gây tác động lớn lên môi trường, trở thành vấn đề cấp bách. Trong các biện pháp BVMT, công cụ pháp luật đóng vị trí then chốt, là phương thức hiệu quả và phổ biến được các quốc gia sử dụng nhằm điều chỉnh hành vi, quản lý ô nhiễm và duy trì phát triển bền vững.

⁷ Khoản 12, Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

1.2. Khái niệm, nội dung và vai trò của pháp luật bảo vệ môi trường

1.2.1. Tổng quan về pháp luật về bảo vệ môi trường

Pháp luật, với tư cách là hệ thống các quy phạm điều chỉnh hành vi của con người, có vị trí trung tâm đối với hoạt động bảo vệ môi trường. Bằng cách quy định các chuẩn mực xử sự trong khai thác, sử dụng các tính chất của môi trường; xác lập chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền các cấp về môi trường; qua đó thiết lập hệ thống chế tài pháp luật tạo nền tảng pháp luật cho việc phòng ngừa, giám sát và xử lý các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

Tiêu chuẩn môi trường giữ vị trí then chốt, vừa là công cụ kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, vừa là căn cứ pháp lý để xác định hành vi bất hợp pháp và truy cứu trách nhiệm pháp lý dành cho các chủ thể vi phạm pháp luật về BVMT. Bên cạnh đó, pháp luật còn là phương tiện trung tâm để giải quyết các tranh chấp môi trường phát sinh giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền các cấp trong hoạt động khai thác, sử dụng các yếu tố môi trường.

Trong tiến trình phát triển hiện đại ngày nay, suy thoái và ô nhiễm môi trường đang trở thành vấn nạn mang tính toàn cầu, khiến BVMT được ghi nhận là nguyên tắc hiến định ở nhiều quốc gia. Theo đó, pháp luật về BVMT được xác định là một lĩnh vực quan trọng trong hệ thống pháp luật quốc gia, đồng thời được lồng ghép trong nhiều đạo luật chuyên ngành như pháp luật về đầu tư, đất đai, dầu khí, hàng hải..., nhằm xác lập nghĩa vụ BVMT của các chủ thể trong quá trình hoạt động.

Pháp luật về BVMT điều chỉnh đa dạng các nhóm quan hệ xã hội. Một là, nhóm quan hệ giữa Nhà nước với cá nhân, tổ chức xuất hiện trong hoạt động quản lý nhà nước về môi trường, bao gồm các quan hệ liên quan đến đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường, quản lý và xử lý vi phạm. Hai là, nhóm quan hệ giữa các chủ thể với nhau trên cơ sở bình đẳng, chủ yếu mang tính chất dân sự – thương mại, như bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường, hợp tác khắc phục sự cố môi trường và giải quyết tranh chấp môi trường.

Cơ sở hiến định cho công tác BVMT được khẳng định rõ ràng trong Hiến pháp năm 2013, theo đó “mọi người có quyền sống trong môi trường trong lành và có nghĩa

vụ bảo vệ môi trường”, Nhà nước có trách nhiệm quản lý, giữ gìn và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các giá trị sinh học, tăng cường năng lực phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Quy định này không chỉ kế thừa tư duy hiến định về môi trường từ các Hiến pháp trước đây, mà còn mở rộng theo hướng ghi nhận quyền con người về môi trường, đáp ứng với xu thế pháp luật quốc tế hiện đại.

Dưới góc độ lý luận Mác – Lênin, pháp luật là hiện tượng xã hội đặc thù, phản ánh ý chí của giai cấp thống trị được Nhà nước triển khai xây dựng thành các quy phạm pháp luật có hiệu lực bắt buộc chung. Là một bộ phận của hệ thống các quy định, pháp luật về BVMT mang đầy đủ tính giai cấp và tính xã hội của pháp luật nói chung, song có những biểu hiện đặc thù. Tính giai cấp thể hiện ở việc Nhà nước thể chế hóa quan điểm, đường lối phát triển và kiểm soát tài nguyên thiên nhiên trong từng giai đoạn, cũng như mức độ ưu tiên giữa tăng trưởng kinh tế và yêu cầu BVMT. Trong khi đó, tính xã hội của pháp luật BVMT ngày càng đề cao, môi trường là điều kiện tồn tại chung của toàn xã hội, cùng với lợi ích công cộng, sức khỏe con người và nhu cầu được sống trong môi trường trong lành của mọi cá nhân.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế sâu rộng, pháp luật về BVMT ở Việt Nam đã được xây dựng và phát triển tương đối hoàn thiện, từng bước trở thành một lĩnh vực pháp luật độc lập. Nếu như trong giai đoạn trước đây, các quy định pháp luật về môi trường còn phân tán, thì hiện nay pháp luật BVMT đã có sự phát triển rõ nét đối với phạm vi điều chỉnh, nội dung và kỹ thuật lập pháp. Luật BVMT năm 2020 đã tạo bước chuyển quan trọng trong tư duy lập pháp, từ cách tiếp cận quản lý hành chính sang tiếp cận tổng hợp, phòng ngừa và phát triển lâu dài, chú trọng kinh tế liên tục và BVMT ngay từ khâu xây dựng chính sách, quy hoạch và đầu tư.

Từ những phân tích trên có thể khái quát: pháp luật về bảo vệ môi trường là hệ thống quy phạm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên; bảo vệ sức khỏe con người và quyền được bảo đảm chất lượng môi trường sống; bảo đảm sự hài hòa

giữa bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế – xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và thực hiện trách nhiệm quốc gia về môi trường.

1.2.2. Vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường

Xuất phát từ thực tế rằng ô nhiễm và cạn kiệt môi trường chủ yếu do hoạt động của con người trong quá trình khai thác, sử dụng các yếu tố môi trường phục vụ phát triển kinh tế – xã hội. Do đó, BVMT hiệu quả đầu tiên phải thay đổi đến hành vi của con người và pháp luật chính là công cụ cơ bản để thực hiện mục tiêu này.

Trước hết, pháp luật quy định các quy tắc xử sự bắt buộc trong khai thác, sử dụng tài nguyên và các yếu tố môi trường, nhằm định hướng ứng xử của các tổ chức, cá nhân theo hướng cân bằng giữa phát triển kinh tế và yêu cầu BVMT, góp phần phòng ngừa cạn kiệt và mất cân bằng môi trường ngay từ đầu.

Thứ hai, pháp luật thiết lập hệ thống chế tài đa dạng, bao gồm chế tài về hành chính, hình sự, nhằm răn đe, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT. Các chế tài có vị trí then chốt cần thiết trong việc tồn tại mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và yêu cầu BVMT.

Thứ ba, pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cá nhân, đơn vị, tổ chức chịu trách nhiệm BVMT, tạo điều kiện cơ bản cho việc tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ và phối hợp trong quản lý nhà nước về môi trường, qua đó tăng cường hiệu quả thực hiện.

Thứ tư, pháp luật ban hành các tiêu chuẩn môi trường về chất lượng và các yếu tố môi trường khác. Khi được pháp điển hóa, các tiêu chuẩn kỹ thuật này trở thành chuẩn mực pháp luật, là cơ sở để xác định hành vi vi phạm và truy cứu trách nhiệm pháp lý.

Thứ năm, pháp luật đóng vị trí quan trọng trong xử lý các tranh chấp môi trường phát sinh giữa chủ thể hoặc với cơ quan nhà nước, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đồng thời bảo đảm trật tự pháp luật trong lĩnh vực môi trường.

Thứ sáu, pháp luật là công cụ quan trọng để phòng ngừa và kiểm soát tác động xấu đến môi trường thông qua các điều khoản bắt buộc đối với hạ tầng BVMT và ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình phát triển đô thị.

Thứ bảy, pháp luật BVMT còn là cơ sở để sửa chữa, phục hồi và cải thiện môi trường bằng cách quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, đơn vị, hộ gia đình và quần chúng Nhân dân trong BVMT.

Cuối cùng, pháp luật góp phần gìn giữ cảnh quan môi trường thông qua các điều khoản về hoạch định, củng cố và giữ gìn không gian xanh, mặt nước, các khu vực có giá trị lịch sử, văn hóa và sinh thái, hướng tới phát triển bền vững.

Như vậy, với tính chất bắt buộc và cưỡng chế, pháp luật về BVMT giữ vai trò trung tâm trong việc điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan đến môi trường đô thị, từ phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm đến khắc phục, phục hồi và cải thiện môi trường, qua đó bảo đảm hiệu quả công tác BVMT trong điều kiện hiện nay.

1.3. Khung pháp lý của Việt Nam về bảo vệ môi trường

1.3.1. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam

Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay được xây dựng tương đối đồng bộ, toàn diện, thể hiện rõ sự chuyển biến từ tư duy kiểm soát môi trường sang tiếp cận ngăn chặn, quản lý ô nhiễm và phát triển bền vững. Nền tảng pháp lý có vai trò quan trọng là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022. So với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật năm 2020 tinh giản về cơ cấu, đồng thời bổ sung nhiều quy định mới mang tính đột phá, phù hợp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

Luật BVMT năm 2020 đã đổi mới căn bản phương thức quản lý môi trường thông qua việc thống nhất các thủ tục hành chính về môi trường vào một công cụ pháp lý duy nhất là giấy phép môi trường. Theo đó, các quy định về đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, quan trắc và công khai thông tin môi trường được thiết kế theo hướng phân loại đối tượng quản lý, tăng cường trách nhiệm của các chủ thể ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Quy định này góp phần khắc phục tình trạng chồng

chéo thủ tục hành chính, đồng thời tăng cường khả năng quản lý nguồn gây ô nhiễm, nhất là các cơ sở có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Để bảo đảm hiệu lực thi hành của Luật BVMT năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022, có hiệu lực từ ngày 25/8/2022. Nghị định này thay thế Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, thể hiện sự cập nhật kịp thời các quy định mới của Luật năm 2020, đồng thời tăng cường tính răn đe, phòng ngừa trong xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

Trên thực tế, Nghị định 45/2022/NĐ-CP đã thêm vào và kiện toàn hệ thống các quy định đối với nhiều nhóm hành vi vi phạm phát sinh trong quá trình thực hiện Luật BVMT năm 2020. Nổi bật là các điều khoản xử phạt đối với hành vi vi phạm về giấy phép môi trường và đăng ký môi trường. Đây là nhóm vi phạm phổ biến hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh nhiều thành phần kinh doanh chưa kịp thời cập nhật hoặc chưa nhận thức đảm bảo về các quy định pháp lý hiện nay.

Bên cạnh đó, Nghị định 45/2022/NĐ-CP cũng quy định cụ thể các hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường. Trên thực tế, không ít cơ sở đã đưa công trình xử lý chất thải vào vận hành nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Việc quy định rõ chế tài đối với hành vi này góp phần nâng cao nhiệm vụ của các chủ thể, đồng thời tăng cường hiệu quả kiểm soát chất lượng công trình bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Nghị định 45/2022/NĐ-CP mở rộng xử lý vi phạm quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và sản phẩm, hàng hóa chứa chúng. Đây là nội dung có vai trò then chốt khi Việt Nam đang từng bước thực hiện các cam kết quốc tế về kiểm soát hóa chất độc hại, giảm thiểu rủi ro và bảo vệ sức khỏe người dân. Các điều khoản về dán nhãn, công khai, minh bạch các nguồn dữ liệu, tính chất liên quan đến chất ô nhiễm khó phân hủy cũng được cụ thể hóa, góp phần tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các chủ thể gây ô nhiễm.

Một điểm mới đáng chú ý là quy định quy định đối với trường hợp vi phạm trong công bố, công khai thông tin quan trắc và cập nhật dữ liệu vào thông tin môi trường quốc gia. Trong bối cảnh minh bạch dữ liệu môi trường còn hạn chế, việc bổ

sung chế tài có vai trò then chốt trong bảo đảm khả năng tiếp nhận tin tức của người dân và tăng cường khả năng kiểm tra, giám sát của nhà nước về môi trường.

Bên cạnh đó, Nghị định 45/2022/NĐ-CP đã cụ thể hóa các chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm tái chế, thu gom và xử lý chất thải của chủ thể sản xuất, nhập khẩu theo cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Đây là một bước tiến quan trọng trong việc chuyển dịch gánh nặng quản lý chất thải từ Nhà nước sang khu vực doanh nghiệp, phù hợp với xu hướng và phát triển kinh tế.

Đối với lĩnh vực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn, Nghị định 45/2022/NĐ-CP đã bổ sung các quy định xử phạt nhằm bảo đảm việc thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam về biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh sự nóng lên toàn cầu ngày càng ảnh hưởng sâu rộng đến phát triển kinh tế – xã hội, việc tăng cường quy định giải quyết vi phạm trong lĩnh vực này có ý nghĩa then chốt, góp phần đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng xả thải thấp và không gây hại với môi trường.

Ngoài ra, BVMT còn chịu sự điều chỉnh của nhiều luật khác nhau và các hệ thống văn bản dưới luật, quy chuẩn, cơ chế như:

Luật Tài nguyên nước năm 2023. Quan điểm cốt lõi theo Luật Tài nguyên nước năm 2023 là kiểm soát tài nguyên nước cả số lượng và chất lượng; bảo đảm sự liên thông giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa thượng lưu và hạ lưu lưu vực sông. Luật đồng thời làm rõ phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước với trách nhiệm quản lý trong các vấn đề được đề cập như quy hoạch, xây dựng và vận hành công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước, qua đó hạn chế tình trạng chồng chéo, đan xen, xung đột và lỗ hổng pháp lý giữa các luật, góp phần nâng cao việc thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước và giữ gìn tài nguyên nước quốc gia. Luật được xây dựng theo hướng thiết lập khuôn khổ pháp lý toàn diện về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra; quy định rõ nội dung và phương thức thực hiện kiểm tra, rà soát và chủ thể thực hiện nghĩa vụ quản lý. Trong đó, giữ vững an ninh nguồn nước quốc gia được xác định là nguyên tắc xuyên suốt, giữ vai trò định hướng tổ chức thực hiện Luật. Đặc biệt, điều hòa,

phân phối tài nguyên nước được coi là một trong những hoạt động cốt lõi, nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả, lâu dài các tài nguyên nước.

Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn 2024. Trên cơ sở kế thừa, phát triển và gộp chung các điều khoản về quy hoạch đô thị tại Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn tại Chương II Luật Xây dựng năm 2014 trong một luật với tên gọi “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn”; trong đó, bổ sung, hoàn thiện những quy định còn khó khăn, bất cập để cũng cố những khoảng trống trong thực thi; kiến nghị thay đổi, thêm mới các quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo trong pháp luật liên quan, đảm bảo thống nhất, đồng bộ các điều khoản pháp luật về quy hoạch; kiểm soát, phát triển cân bằng đô thị và nông thôn do không gian quy hoạch, phát triển, đầu tư xây dựng giữa đô thị và nông thôn có sự liên kết chặt chẽ, hỗ trợ cho sự phát triển chung, đóng góp vào tiến trình đô thị hóa bền vững của địa phương, vùng lãnh thổ và quốc gia, đồng thời tạo thuận lợi cho việc áp dụng và thi hành.

Nghị định 346/2025/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí, tổ chức thu phí, người nộp phí, các trường hợp miễn phí, mức phí, xác định số phí phải nộp, khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật về BVMT hiện nay, đặc biệt là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định 45/2022/NĐ-CP, đã tạo nền tảng pháp lý tương đối đầy đủ cho việc quản lý, BVMT. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, nhất là tăng cường năng lực sử dụng pháp luật của chính quyền các cấp, tăng cường nhận thức pháp luật của các tổ chức và người dân, cũng như bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền trong BVMT.

1.3.2. Các chế tài về bảo vệ môi trường theo hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam

Hệ thống chế tài trong lĩnh vực BVMT hiện nay được thiết kế khá hoàn chỉnh, bao gồm chế tài hành chính, hình sự, biện pháp khắc phục hậu quả nhằm xử lý các hành vi vi phạm theo mức độ từ nhẹ đến nghiêm trọng.

Thứ nhất, về xử phạt vi phạm hành chính, thời hiệu trong lĩnh vực BVMT là 02 năm; hình thức xử phạt chính gồm cảnh cáo và phạt tiền, với mức tối đa 1 tỷ đồng dành cho cá nhân và 2 tỷ đồng dành cho tổ chức. Ngoài ra, còn có thể tước có thời hạn hoặc thu hồi giấy phép môi trường, giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc; tịch thu tang vật, phương tiện; đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Tuy nhiên, quy định về xử phạt và cưỡng chế được quy định rải rác tại nhiều điều khoản khác nhau của Luật BVMT, có dấu hiệu trùng lặp, thậm chí mâu thuẫn với các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt như khấu trừ tiền trong tài khoản, kê biên tài sản, đình chỉ hoạt động, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả⁸. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường lại đưa thêm các giải pháp mang tính đặc thù như buộc cải tạo, cải thiện môi trường, di dời cơ sở gây ô nhiễm, nhưng chưa làm rõ mối quan hệ thực hiện với các phương án cưỡng chế chung, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thi hành trên thực tế.

Thứ hai, một số quy định của Luật BVMT còn mang tính tổng quan, thiếu hướng dẫn rõ ràng, dẫn đến bất cập trong việc xử lý vi phạm. Luật BVMT quy định các hành vi bị nghiêm cấm như “xả thải gây ô nhiễm môi trường”, “gây suy thoái môi trường”, “gây sự cố môi trường”. Song, nhiều quy định chỉ giới hạn ở mô tả hành vi mang tính khái quát, chưa làm rõ định lượng để đưa ra nhìn nhận là “gây ô nhiễm”, “nghiêm trọng” hay “đặc biệt nghiêm trọng”. Trong thực tiễn, cơ quan có thẩm quyền gặp khó khăn trong việc đánh giá mức độ vi phạm để làm căn cứ áp dụng hình thức xử phạt tương ứng, nhất là trong các trường hợp ô nhiễm cục bộ, ô nhiễm không thường xuyên hoặc ô nhiễm phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau. Luật BVMT quy định biện pháp thực hiện như buộc quản lý, xử lý chất thải; buộc cải thiện và phục hồi môi trường; buộc di dời cơ sở gây ô nhiễm. Tuy nhiên, trình tự, thời hạn, tiêu chí đánh giá kết quả khắc phục lại chưa được luật điều chỉnh cụ thể. Điều này dẫn đến tình trạng mỗi địa phương áp dụng khác nhau, có nơi yêu cầu khắc phục ngay, có nơi

⁸ Khoản 2 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.

cho gia hạn nhiều lần; việc xác nhận “đã khắc phục xong” chủ yếu dựa trên đánh giá chủ quan của cơ quan quản lý, làm giảm tính minh bạch và hiệu quả cưỡng chế.

Thứ ba, xét về hiệu quả răn đe, một số hình thức và mức xử phạt hiện hành chưa thực sự phù hợp với từng nhóm chủ thể. Đối với chủ thể kinh doanh lớn, mức xử phạt hành chính trong nhiều tình huống chưa đủ sức răn đe so với lợi ích kinh tế thu được từ hành vi vi phạm. Trong khi đó, một số biện pháp thực tế rất khó thực hiện do ảnh hưởng dây chuyền đến hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp. Điều này dẫn đến tình trạng một số chủ thể chấp nhận chế tài tài chính thay vì tuân thủ đầy đủ yêu cầu về xử lý chất thải..

Bên cạnh xử phạt hành chính, pháp luật còn quy định các phương án buộc khắc phục hậu quả, buộc làm các biện pháp xử lý ô nhiễm, xây dựng hoặc lắp đặt hệ thống BVMT và bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, trên thực tế, việc giám sát, quản lý kết quả khắc phục hậu quả còn nhiều hạn chế, khiến hiệu quả phục hồi môi trường chưa được bảo đảm.

Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng, chế tài hình sự quy định trách nhiệm đối với tội gây ô nhiễm môi trường theo Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều luật này có ba khung hình phạt đối với cá nhân, với mức phạt tiền lên đến ba tỷ đồng hoặc phạt tù đến 07 năm, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm. Ngoài ra, người phạm tội còn khả năng bị thực hiện hình phạt bổ sung khác.

Đối với pháp nhân thương mại, Bộ luật Hình sự quy định mức phạt tiền lên đến 20.000.000.000 đồng, kèm theo các hình phạt kèm theo như đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn hoặc cấm kinh doanh trong một số lĩnh vực nhất định. Các quy định này thể hiện sự tiến bộ của pháp luật hình sự Việt Nam trong việc tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp đối với hành vi gây tác động tiêu cực đến môi trường.

Nhìn chung, hệ thống chế tài trong lĩnh vực BVMT hiện nay đã khá hoàn thiện. Song, để tăng cường hiệu quả áp dụng vào thực tiễn, cần tiếp tục kiện toàn các quy

định nhằm thống nhất hệ thống pháp luật, khắc phục các điểm chồng chéo, mâu thuẫn, đồng thời tăng cường khả năng và hiệu quả của các quy định xử lý vi phạm về BVMT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của đề án đã xây dựng và làm rõ những vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về BVMT, qua đó thể hiện rõ môi trường là điều kiện sống thiết yếu của con người và là tính chất không thể tách rời của tăng trưởng lâu dài. Căn cứ vào đó, Đề án đã phân tích khái niệm, đặc điểm, phạm vi điều chỉnh và vai trò của pháp luật về BVMT trong hệ thống pháp luật quốc gia, làm rõ tính chất đa ngành, phạm vi điều chỉnh rộng và vai trò quan trọng của pháp luật trong việc thay đổi hành động của các tổ chức, cá nhân nhằm ngăn chặn, quản lý ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Chương 1 cho thấy sự chuyển biến rõ nét trong tư duy lập pháp theo hướng tiếp cận tổng thể, phòng ngừa và tăng trưởng bền vững, thích ứng với Hiến pháp năm 2013 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Hệ thống pháp luật này đã và đang tạo điều kiện cơ bản về pháp luật quan trọng để việc tổ chức triển khai công tác BVMT tại các địa phương, trong đó có phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

Từ góc độ lý luận và pháp lý, có thể khẳng định việc thực thi pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết là cần thiết và tương ứng với yêu cầu tăng trưởng kinh tế – xã hội của phường. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế thực thi, tăng cường hiệu quả quản lý của chính quyền và nâng cao sự tham gia của người dân trong công tác BVMT.

Những nội dung lý luận và pháp lý được làm rõ trong Chương 1 là cơ sở khoa học và pháp lý quan trọng để luận văn tiếp tục nghiên cứu, đánh giá pháp luật và thi hành pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết trong Chương 2, từ đó kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả BVMT trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHAN THIẾT

2.1. Tổng quan về công tác thực hiện bảo vệ môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng

2.1.1. Đặc điểm tình hình thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết

Năm 2025, việc triển khai thực hiện BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết được triển khai trong bối cảnh đô thị hóa nhanh, hoạt động kinh tế – dịch vụ – du lịch phát triển mạnh, mật độ dân cư cao, kéo theo áp lực lớn đối với hạ tầng và môi trường. phường Phan Thiết đã xác định công tác BVMT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản lý nhà nước, gắn với mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân.

UBND phường đã chủ động triển khai kịp thời các định hướng, chính sách và quy định của Trung ương và của tỉnh về BVMT, nhất là các quy định của Luật BVMT năm 2020⁹. Công tác tổ chức thực hiện và ban hành kế hoạch, giải pháp BVMT trên địa bàn được áp dụng tương đối đầy đủ, trong đó chú trọng đến quản lý chất thải rắn

⁹ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015, số 82/2015/QH13; Nghị định 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định 34/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; Nghị định 74/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Nghị định 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định 54/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường; Nghị định 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Nghị định 41/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam; Nghị định 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo...

sinh hoạt, vệ sinh môi trường đô thị, bảo vệ tài nguyên nước và quản lý các nguồn phát sinh ô nhiễm. Việc bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường được quan tâm, góp phần tạo điều kiện cho các hoạt động BVMT được thực hiện đồng bộ và liên tục.

Về thực hiện vệ sinh môi trường, phường Phan Thiết đã duy trì thường xuyên công tác quản lý rác thải sinh hoạt thông qua sự phối hợp với đơn vị dịch vụ công ích. Hệ thống thu gom rác cơ bản đáp ứng nhu cầu, tình trạng tồn đọng rác thải kéo dài từng bước được hạn chế. Các khu vực trên địa bàn phường được tổ chức vệ sinh định kỳ, qua đó góp phần cải thiện cảnh quan đô thị và môi trường sống. Tuy nhiên, tại một số thời điểm cao điểm du lịch hoặc tại các nơi đông người, tình hình tập kết rác không đúng nơi quy định vẫn còn xảy ra, cho thấy áp lực môi trường đô thị vẫn ở mức cao.

Hoạt động tuyên truyền, vận động tăng cường giáo dục cộng đồng về BVMT được thực hiện với nhiều cách thức và có chiều sâu. Các phong trào như “Người dân Phan Thiết không xả rác thải, nước thải, chất thải ra đường phố và khu vực công cộng”, “Ngày thứ Bảy vì môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp” và các hoạt động hưởng ứng đã tạo được sự hưởng ứng tích cực trong quần chúng Nhân dân. Nhờ các hoạt động này, qua niệm, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong việc đảm bảo vệ sinh môi trường từng bước được nâng lên, chuyển biến từ nhận thức sang hành động thực tiễn. Tuy nhiên, sự thay đổi về hành vi BVMT giữa các tầng lớp Nhân dân chưa đồng đều, nhất là tại các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, khu vực ven sông, ven biển¹⁰.

¹⁰ Các hình thức tuyên truyền:

- Treo băng rôn, tuyên truyền trên loa phát thanh phường, phát tờ rơi, cho các hộ dân ký cam kết bảo vệ môi trường; cho ngư dân ký cam kết không xả rác thải, chất thải, phế thải trên sông Cà Ty; duy trì mô hình tự quản bảo vệ môi trường và mô hình “Ngày Chủ nhật cùng hành động vì môi trường”; ra quân tổ chức trồng cây, nạo vét cống thoát nước, ra quân tổng vệ sinh trên các tuyến đường chính, Khu công viên biển Đồi Dương – Thương Chánh, Bĩa ghi danh liệt sĩ, Nam Cảng cá Phan Thiết... Tổ chức 7 đợt ra quân tổng vệ sinh, phát quang bụi rậm, xả bồn với tổng lượt người tham gia trong đó có khoảng 300 người, khối lượng rác thu gom được khoảng 30m³ rác, xả bồn.

- Đã tổ chức buổi Lễ phát động phong trào thi đua “Ngày thứ Bảy vì môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp”, vào ngày 23/8/2025 tại Quảng trường Nguyễn Tất Thành với sự tham gia của hơn 500 người tham gia; phát động đồng loạt ra quân tổng vệ sinh trên các tuyến đường; tổng rác thải thu gom được khoảng 30m³ rác; tổng chiều dài bãi biển được làm sạch khoảng 2km. Duy trì làm vệ sinh vào thứ bảy hàng tuần: Đã tổ chức 9 đợt ra quân tổng vệ sinh tại các khu vực, tuyến đường; tổng số người tham gia làm vệ sinh khoảng 150 người tham gia; tổng khối lượng rác thải, xả bồn thu gom được khoảng 20m³. Tổ chức ký cam kết bảo vệ môi trường cho 60 hộ kinh doanh dọc vỉa hè đường Trưng Nhị, đường Phạm Văn Đồng; nhắc nhở các hộ dân trong các tuyến

Phường Phan Thiết đã từng bước triển khai các quy định mới về phân loại rác tại nguồn theo Luật BVMT năm 2020. Việc thông tin, vận động, thực hiện phân loại rác được thực hiện thông qua họp dân, phát tờ rơi và các hoạt động cộng đồng. Đồng thời, UBND phường đã rà soát, bố trí thùng rác tại các khu vực tập trung đông người và điểm du lịch, góp phần giúp cho người dân triển khai phân loại và bỏ rác đúng nơi. Tuy vậy, do thói quen sinh hoạt lâu năm và hạn chế về hạ tầng đồng bộ, việc phân loại rác còn hạn chế ở mức độ bước đầu, chưa thực sự hiệu quả và chưa trở thành nề nếp trong quần chúng Nhân dân.

Việc quản lý và xử lý vi phạm pháp luật về BVMT được tăng cường, thể hiện vai trò quản lý của chính quyền địa phương. UBND phường đã phối hợp với các cơ quan cấp trên có thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm như xả rác thải, nước thải không đúng quy định; rà soát và xử lý việc thu mua phế liệu gây mất vệ sinh môi trường; giải quyết kịp thời các phản ánh của người dân liên quan đến ô nhiễm môi trường. Thực tế cho thấy, việc giải quyết các phản ánh môi trường đã góp phần củng cố niềm tin của người dân đối với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, do thẩm quyền xử lý còn hạn chế và nguồn nhân lực chuyên trách môi trường ở cấp xã còn mỏng, hiệu quả xử lý một số vụ việc chưa thật sự triệt để.

UBND phường đã thực hiện tương đối nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên. Công tác tổng hợp các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước được chú trọng, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện đăng ký đảm bảo theo pháp luật. Công tác giám sát và báo cáo thực hiện góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt do các hoạt động xả thải chưa qua xử lý triệt để, đặc biệt tại các khu vực ven sông và khu dân cư đông đúc, vẫn là yêu cầu cần tiếp tục được chú

đường chính: đường Tôn Đức Thắng, đường Nguyễn Tất Thành, đường Võ Thị Sáu, Phạm Văn Đồng...về việc tập kết rác không đúng nơi quy định gây mất vệ sinh nơi công cộng.

- Tổ chức tuyên truyền về Chương trình tháng 7 không sử dụng nhựa một lần đến UBMTTQ Việt Nam phường, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường, Trưởng các khu phố, các Trường học, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp trên địa bàn triển khai thực hiện.

- Trồng 1.094 cây xanh và hoa, gồm: 216 cây xanh tại các trường học, trụ sở cơ quan và Bia ghi danh liệt sĩ (15 cây bông trang; 6 cây sen; 30 cây vàng bạc); 104 cây xanh và cây ăn trái (cây dừa, lá gấm, vạn lộc đỏ, kim ngân, lê bạn, sake, khế, me, đu đủ...) và 769 chậu cây và hoa (lưỡi hổ, trường sanh, hồng môn...)

trọng giải quyết.

Nhìn chung, trong năm 2025, công tác BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết đã có nhiều thành quả tích cực, từng bước cải thiện chất lượng môi trường đô thị và nâng cao ý thức cộng đồng. Tuy nhiên, trước áp lực gia tăng của đô thị hóa, phát triển kinh tế – du lịch, môi trường trên địa bàn phường vẫn còn nhiều nguy cơ ô nhiễm. Điều này đòi hỏi chính quyền phường trong tương lai cần tiếp tục kiện toàn cơ chế quản lý, tăng cường nguồn lực, tăng cường kêu gọi các nguồn lực tài chính phục vụ công tác BVMT và tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc BVMT sống bền vững.

2.1.2. Đặc điểm công tác bảo vệ môi trường của phường Phan Thiết

Với đặc điểm là một đô thị, các ảnh hưởng môi trường chủ yếu là chất thải từ các hoạt động sản xuất, buôn bán và chất thải sinh hoạt trong khu vực đô thị. Các ảnh hưởng chính đến môi trường bao gồm:

- Quá trình sản xuất, kinh doanh tại Cảng cá Phan Thiết và Cụm công nghiệp chế biến hải sản Nam cảng.
- Chất thải rắn, nước thải phát sinh trong khu dân cư, trong đó chủ yếu là chất thải rắn, nước thải sinh hoạt và phần còn lại là chất thải rắn công nghiệp, nước thải của các đơn vị kinh doanh, hộ gia đình buôn bán, xen lẫn trong địa bàn dân cư.
- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của các cơ sở dịch vụ, du lịch ven biển.
- Chất thải y tế từ hoạt động của 02 bệnh viện, Trung tâm y tế khu vực Phan Thiết và các cơ sở khám chữa bệnh khác.

Về hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

Đầu tiên, về môi trường đất: Trong những năm gần đây, quỹ đất dành cho nhu cầu xây dựng, nhà ở và phát triển kinh tế gắn với tiến bộ xã hội, công nghiệp, du lịch, giao thông, thủy lợi, các công trình văn hoá, phúc lợi hàng năm không ngừng gia tăng. Diện tích đất nông nghiệp có xu hướng giảm dần. Do đó, tình hình lạm dụng hóa chất tại địa phương rất ít, đa số phát sinh từ chăm sóc cây cảnh của các hộ gia đình. Trên địa bàn phường không có khu vực tồn lưu hóa chất; không có bãi rác thải lộ thiên. Trên địa bàn phường chưa phát hiện khu vực ô nhiễm đất.

Thứ hai, về môi trường nước: Tại địa phương hiện có hạ lưu sông Cà Ty chảy qua trung tâm phường Phan Thiết và đổ ra cửa biển; tại đây là nơi ngư dân tập trung neo đậu tàu thuyền, vận chuyển và trao đổi hải sản đánh bắt trong ngày, đồng thời cũng là nơi các vựa cá chuyên thu mua hải sản để cung cấp cho các tiểu thương bán lẻ. Tại khu vực này được đầu tư 01 Cảng cá Phan Thiết với công suất 440CV cho các tàu thuyền trong và ngoài tỉnh ra vào thu mua hải sản, nguyên liệu tiếp ứng hậu cần và 1 cảng vận tải vận chuyển hàng hóa và hành khách từ Phan Thiết ra đảo Phú Quý, nay là đặc khu Phú Quý.

Ngoài ra, trên địa bàn phường Phan Thiết có đoạn bờ biển dài khoảng 2km được đầu tư dự án Công viên Đồi Dương và Công viên Thương Chánh với mục tiêu chỉnh trang, nâng cấp đô thị biển, tạo nên điểm nhấn với màu sắc đa dạng của thành phố biển. Hình thành địa điểm vui chơi, giải trí, thư giãn, chụp ảnh... cho người dân Phan Thiết và du khách khi đến tham quan, nghỉ dưỡng.

Thứ ba, về kiểm soát nước thải đô thị: Trên địa bàn phường Phan Thiết đã được đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước thải về nhà máy xử lý nước thải đô thị tại phường Phú Hải (nay là phường Phú Thủy) với công suất 5.000 m³/ngày.đêm.

Thứ tư, về môi trường không khí: Nguồn gây ô nhiễm từ phương tiện giao thông tại các tuyến đường chính như Đại lộ Lê Duẩn, đường Trần Hưng Đạo, đường Lê Hồng Phong, đường Nguyễn Hội...đặt biệt vào thời gian cao điểm và các ngày cuối tuần, lễ, tết; các nguồn phát sinh bụi, khí thải từ các cơ sở chế biến hải sản tại Cảng cá Phan Thiết và Cụm công nghiệp chế biến hải sản Nam cảng; các hộ kinh doanh ăn uống, hàng quán, cơ sở tiểu thủ công nghiệp nằm xem kẽ trong khu dân cư. Tuy phát sinh bụi, mùi không nhiều nhưng lại ảnh hưởng đến người dân và người lao động trực tiếp. Mặc dù đã có phương án kiểm soát ô nhiễm môi trường tuy nhiên chưa đảm bảo hiệu quả triệt để.

2.1.3. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Từ khi đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 đến nay, UBND phường đã xây dựng và triển khai các văn bản thực hiện, quy chế, quy ước, hương ước về BVMT:

UBND phường đã ban hành 06 Kế hoạch, 01 phương án và 01 Thông báo liên quan đến công tác BVMT¹¹.

Tổ chức triển khai các quy định pháp luật, kết quả quản lý, thủ tục hành chính về BVMT: Trong năm 2025, UBND phường đã kiểm tra, giải quyết 22 phản ánh về môi trường. Khi thực hiện chính quyền 02 cấp đến nay, UBND phường chưa kịp thời ban hành kế hoạch quản lý, thủ tục hành chính về BVMT (theo phân quyền trước khi thực hiện chính quyền 2 cấp, UBND cấp xã không được giao nhiệm vụ này).

UBND phường đã triển khai các hoạt động để hưởng ứng hoạt động, chương trình, sự kiện như “Ngày thứ Bảy vì môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp” với chủ đề “Nhà ở, trụ sở cơ quan, đơn vị, cơ sở kinh doanh dịch vụ, tuyến đường, bờ biển,...sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn”; trồng cây xanh chào mừng Đại hội Đảng bộ phường nhiệm kỳ 2025-2030. Cụ thể: 01 tin truyền hình phát trên sóng bản tin và phát thanh truyền hình Lâm Đồng, thời lượng 01 phút/tin; đăng tải 03 tin, bài, hình ảnh, video clip trên Trang thông tin điện tử của phường; đăng 5 tin trên trang facebook và các phương tiện truyền thông các hoạt động BVMT; treo khoảng 60 băng rôn, khẩu hiệu, phướn tuyên truyền BVMT tại các tuyến đường, địa điểm công cộng; phát hơn 200 tờ rơi tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa; tặng 200 túi vải thân thiện với môi trường tại chợ dân sinh.

Các Tổ dân phố tuyên truyền đến người dân thông qua sinh hoạt, hệ thống loa truyền thanh; lồng ghép tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt đoàn thể, hội nghị Nhân dân; vận động từng hộ gia đình tăng cường nhận thức giữ gìn vệ sinh môi trường,

¹¹ Kế hoạch số 1930/KH-UBND ngày 24/10/2025 về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn phường; Kế hoạch số 1249/KH-UBND ngày 09/9/2025 về việc trồng cây xanh và hoa chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 trên địa bàn phường Phan Thiết; Kế hoạch số 999/KH-UBND ngày 05/9/2025 về việc duy trì phong trào thi đua “Ngày thứ Bảy vì môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp” với chủ đề “Nhà ở, trụ sở cơ quan, đơn vị, cơ sở kinh doanh dịch vụ, tuyến đường, bờ biển, ... sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn”; Phương án số 1572/PA-UBND ngày 06/10/2025 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Phan Thiết; Thông báo số 2368/UBND-KTHTĐT ngày 17/11/2025 về việc Thời gian thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Phan Thiết.

không xả rác bừa bãi, phân loại rác tại nguồn. Nội dung tuyên truyền tập trung nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của mỗi người dân trong BVMT sống; hình thành thói quen bảo vệ cảnh quan môi trường sạch đẹp, bền vững.

Về công tác kiểm soát nguồn ô nhiễm.

Đầu tiên, chất thải từ Cụm công nghiệp chế biến hải sản Nam Cảng:

Cụm công nghiệp chế biến hải sản Nam Cảng tổng diện tích 08 ha, do Công ty Cổ phần xây lắp thủy sản Việt Nam đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh cho thuê mặt bằng theo hình thức BOT theo Quyết định số 4876/QĐ/CT-UBBT ngày 22/11/2004 của UBND tỉnh. Cụm công nghiệp Nam Cảng đã được đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải nhưng còn chậm triển khai phương án xử lý nước thải¹².

Chất thải từ Cảng cá Phan Thiết: Cảng cá Phan Thiết có diện tích: khoảng 37,77 ha, diện tích mặt nước là 27 ha nằm ngay cửa sông Cà Ty và 107.689,4 m² là diện tích đất liền, do BQL các Cảng cá tỉnh Lâm Đồng quản lý. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 850 m³/ngày đêm; gồm 02 đơn nguyên xử lý nước thải với công suất 400 m³/ngày đêm và 850 m³/ngày đêm (chỉ sử dụng 01 đơn nguyên 850 m³/ngày đêm để xử lý, đơn nguyên 400 m³/ngày đêm chủ yếu để dự phòng, vận hành trong trường hợp bảo dưỡng đơn nguyên 850 m³/ngày đêm).

Thứ hai, chất thải từ khu đô thị, khu dân cư.

Rác thải sinh hoạt chủ yếu từ các hộ gia đình, các hộ kinh doanh phòng trọ, nhà nghỉ, chợ, trường học, trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Theo thống kê sơ bộ, khối lượng rác thải hàng ngày vào khoảng 76 tấn rác/ngày. Rác thải sinh hoạt được

¹² Ngày 06/5/2020, UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) có văn bản số 1662/UBND-KT ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết nội dung liên quan đến nhà máy xử lý nước thải thuộc dự án Khu chế biến thủy sản phía Nam cảng cá Phan Thiết; trong đó, UBND tỉnh thông nhất việc cắt giảm, không đầu tư hạng mục Trạm xử lý nước thải thuộc dự án Khu chế biến thủy sản phía Nam cảng cá Phan Thiết theo hình thức hợp đồng BOT.

Ngày 19/4/2021, UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) có Quyết định số 958/QĐ-UBND 19/4/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Mở rộng Trạm xử lý nước thải Cảng cá Phan Thiết, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư. Theo đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh triển khai thực hiện Dự án.

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận xử lý, vận chuyển đến bãi rác Bình Tú tại phường Tiến Thành để xử lý.

Trong năm 2025, UBND phường đã duy trì ra quân tổng vệ sinh vào thứ bảy hàng tuần, đã tổ chức 40 lượt ra quân dọn dẹp vệ sinh trên một số tuyến đường, khu vực công cộng, khu vực biển; xử lý tình trạng rác thải tồn đọng tại các tuyến đường, khu vực trọng điểm bức xúc: 65 điểm, khu vực. Tổng số người tham gia làm vệ sinh khoảng 600 lượt người tham gia; tổng khối lượng rác thải, xà bần thu gom được khoảng 50m³.

Bảng 2.1. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	27.740	26.353	26.353	-	
1.1	Khu vực đô thị	27.740	26.353	26.353	-	
1.2	Khu vực nông thôn	-	-	-	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	0,5	0,5	0,5	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	18,43	18,43	18,43	-	

(Nguồn: Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 09/01/2026 của UBND phường Phan Thiết)

Trên địa bàn phường Phan Thiết đã được đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước thải về nhà máy xử lý nước thải đô thị tại phường Phú Hải (nay là phường Phú Thủy) với công suất 5.000 m³/ngày.đêm.

Về công tác quản lý chất thải và phế liệu

Đầu tiên, quản lý CTRSH. Tổng khối lượng CTRSH đô thị hình thành trên địa bàn khoảng 76 tấn rác/ngày; quy mô CTRSH đô thị được xử lý và vận chuyển khoảng 72,2 tấn rác/ngày. Rác thải được Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận xử lý và vận chuyển rác đến bãi rác Bình Tú tại phường Tiến Thành để xử lý.

Trên địa bàn không phát sinh chất thải rắn công nghiệp.

Thứ hai, quản lý chất thải rắn nguy hại. Kiểm soát chất thải nguy hại (CTNH): Tổng khối lượng CTNH phát sinh khoảng 500kg/năm; Chất thải y tế phát sinh: 18,43 tấn/năm. Các chủ nguồn thải tự tìm cơ quan, tổ chức có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Trên địa bàn phường không có cơ sở nhập khẩu phế liệu.

Trong năm 2025, công tác BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết đã được UBND phường chú trọng thực hiện tương đối đồng bộ, đạt được một số kết quả tích cực, góp phần bảo đảm môi trường sống lành mạnh, hạn chế phát sinh các khu vực trọng điểm về ô nhiễm môi trường.

Bảng 2.2. Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	27.740	26.353	26.353	-	
1.1	Khu vực đô thị	27.740	26.353	26.353	-	
1.2	Khu vực nông thôn	-	-	-	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	0,5	0,5	0,5	-	

4	Chất thải y tế nguy hại	18,43	18,43	18,43	-	
---	-------------------------	-------	-------	-------	---	--

(Nguồn: Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 09/01/2026 của UBND phường

Phan Thiết)

Trước hết, UBND phường đã chủ động chỉ đạo các chủ thể kinh doanh trên địa bàn xây dựng và thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về BVMT. Thông qua công tác quản lý, kiểm soát và thông tin, giáo dục ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT trên địa bàn phường từng bước được nâng cao. Thực tế trong năm 2025 cho thấy các giải pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường đã phát huy hiệu quả nhất định.

Bên cạnh đó, công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của nhân dân về môi trường được chính quyền quan tâm thực hiện kịp thời. Các yếu tố hình thành trong đời sống dân cư như vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, ô nhiễm cục bộ được UBND phường nắm bắt nhanh chóng và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý, qua đó góp phần hạn chế tình trạng khiếu nại, bức xúc kéo dài trong nhân dân.

Về công tác bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học, do trên địa bàn phường không có các di sản thiên nhiên, khu bảo tồn hoặc đối tượng đa dạng sinh học cần quản lý nên nội dung này chưa được đặt ra trong hiện trạng kiểm soát môi trường của phường.

Xét về đội ngũ chuyên môn, hiện nay công tác kiểm soát môi trường của phường được đảm nhiệm bởi 01 công chức thuộc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, có trình độ chuyên môn về môi trường. Thực trạng này phần nào khóa lấp được yêu cầu chuyên môn, song cũng cho thấy áp lực lớn về khối lượng nhiệm vụ, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả và toàn diện của công tác quản lý môi trường tại địa phương.

Về nguồn lực tài chính, trong năm 2025 UBND phường đã bố trí kinh phí cho công tác môi trường với tổng số tiền 68.469.590 đồng. Nguồn kinh phí này chủ yếu được sử dụng cho các hoạt động thông tin, truyền thông tổ chức tổng vệ sinh môi trường. Việc bố trí kinh phí thể hiện sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với công tác BVMT. Đồng thời, UBND phường cũng đã chủ động xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và giai đoạn 2026–2028 từ nguồn kinh phí của địa phương.

Bên cạnh những thành quả bước đầu, công tác BVMT của phường Phan Thiết trong năm 2025 vẫn còn một số bất cập chưa được giải quyết. Từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, UBND phường chưa tiến hành rà soát các chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo phân công của UBND cấp tỉnh. Nguyên nhân chủ yếu là do trước đây, theo phân cấp quản lý, UBND cấp xã chưa được giao thực hiện nhiệm vụ, tạo nên sự chưa rõ ràng nhất định trong quá trình chuyển tiếp mô hình quản lý mới.

Nhìn chung, trong năm 2025, công tác BVMT của phường Phan Thiết đã đạt được những thành quả bước đầu, môi trường cơ bản được kiểm soát, không xảy ra sự cố nghiêm trọng. Tuy nhiên, nhằm bảo đảm yêu cầu quản lý môi trường trong giai đoạn tới, phường cần tiếp tục tăng cường quản lý, nâng cao năng lực nguồn nhân lực và tăng cường nguồn lực tài chính nhằm thực hiện hiệu quả công tác BVMT một cách bền vững.

2.2. Thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng

2.2.1. Khái quát tình hình áp dụng phát luật bảo vệ môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết

Trong thời gian gần đây, việc áp dụng pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết được triển khai trên cơ sở các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản có liên quan, gắn với thực tiễn kiểm soát của cơ quan nhà nước ở cấp cơ sở và đặc thù phát triển đô thị của địa phương. UBND phường đã từng bước cụ thể hóa các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công tác áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn phường tập trung vào quản lý chất thải sinh hoạt, ngăn ngừa ô nhiễm, tuyên truyền giáo dục, thay đổi nhận thức và hướng dẫn các chủ thể kinh doanh tuân thủ quy định pháp luật. UBND phường đã xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường qua các năm và giai đoạn; tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh của Nhân dân và phối hợp kiểm soát việc thực thi pháp luật về BVMT.

Tổng thể, việc áp dụng pháp luật về BVMT tại phường phường Phan Thiết đã có những kết quả bước đầu, môi trường cơ bản được kiểm soát, không xảy ra ô nhiễm môi trường có tính chất đáng báo động. Tuy nhiên, trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, công tác này vẫn còn gặp một số khó khăn, hạn chế nhất định, đặc biệt là về nguồn nhân lực, cơ chế phân công nhiệm vụ và năng lực triển khai một số nội dung mới của pháp luật về bảo vệ môi trường ở cấp xã. Đây là những vấn đề cần tiếp tục được phân tích, đánh giá và hoàn thiện trong thời gian tới.

Công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật về BVMT tại thành phố Phan Thiết (cũ) nói chung và phường Phan Thiết (mới) nói riêng từng bước được tăng cường, đóng vai trò then chốt vào việc cải thiện môi trường và bảo đảm phát triển mọi mặt bền vững tại địa phương.

Thứ nhất, công tác quy hoạch và chỉ đạo thực hiện BVMT ngày càng được chú trọng. UBND phường Phan Thiết chủ động rà soát, đánh giá tình hình BVMT hằng năm; hoạch định và triển khai các giải pháp BVMT phù hợp yêu cầu thực tiễn, giữ sự hài hòa giữa nhu cầu của người dân và mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của chính quyền địa phương.

Phường Phan Thiết đã xây dựng và triển khai nhiều văn bản nhằm quản lý, tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và Nhân dân thực hiện nghiêm pháp luật về BVMT, qua đó góp phần giảm khả năng ô nhiễm, ngăn ngừa suy thoái tài nguyên, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Thứ hai, hoạt động BVMT tại các địa điểm công cộng được thực hiện tương đối hiệu quả. Tại các khu vực tập trung đông người trên địa bàn phường đều có niêm yết quy định giữ gìn vệ sinh môi trường; đồng thời được bố trí công trình vệ sinh và lực lượng vệ sinh môi trường thường xuyên, đáp ứng việc giữ gìn vệ sinh và hình ảnh của địa phương.

Thứ ba, một số yêu cầu về BVMT đô thị đã được thực hiện. Hệ thống hạ tầng phục vụ BVMT cơ bản đảm bảo với phù hợp với quy hoạch của địa phương.

Thứ tư, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của các hộ dân từng bước được

nâng cao. Phần lớn các hộ dân thực hiện việc tập trung, xử lý rác thải sinh hoạt đúng nơi quy định; tích cực thực hiện các nội dung BVMT trong quy ước tại khu dân cư, cam kết bảo vệ vệ sinh môi trường, góp phần xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Thứ năm, các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường được hình thành và phát huy hiệu quả tại hầu hết các khu dân cư. Các tổ chức tự quản đóng vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, từ bỏ các thói quen gây ô nhiễm môi trường, qua đó hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương.

2.2.2. Những kết quả đạt được

Trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Thiết đã chủ động triển khai nhiệm vụ BVMT theo thẩm quyền, bước đầu đạt kết quả tích cực.

Trước hết, chính quyền địa phương đã nghiêm túc triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, đồng thời lồng ghép hoạt động BVMT vào chương trình, kế hoạch phát triển tổng thể của địa phương. Trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường 2020, phường yêu cầu các chủ thể sản xuất, kinh doanh thực hiện phòng ngừa, có phương án ứng phó sự cố môi trường, góp phần bảo đảm ổn định đời sống và trật tự xã hội.

Công tác tiếp nhận, xử lý các ý kiến của người dân về môi trường tiếp tục được UBND phường quan tâm thực hiện. Thông qua các kênh tiếp nhận thông tin tại cơ sở, chính quyền phường đã kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh như vệ sinh môi trường đô thị, tập trung và xử lý rác thải sinh hoạt, ô nhiễm cục bộ và phối hợp để xử lý, hạn chế phát sinh điểm nóng về môi trường trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện chính quyền 02 cấp.

Về công tác bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học, do đặc thù địa bàn phường không có các di sản thiên nhiên, khu bảo tồn hoặc đối tượng đa dạng sinh học cần quản lý nên nội dung này chưa đặt ra yêu cầu triển khai.

Trong điều kiện thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, công chức phụ trách lĩnh vực môi trường tại phường còn mỏng. Hiện nay, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị bố trí 01 chuyên viên. Mặc dù còn hạn chế về số lượng nhân lực chuyên trách, tuy nhiên vẫn cơ bản đáp ứng yêu cầu tham mưu, triển khai nhiệm vụ quản lý

trên địa bàn, bảo đảm sự thông suốt.

Về nguồn lực tài chính, UBND phường đã chủ động bố trí kinh phí cho công tác môi trường trong phạm vi được phân cấp. Năm đầu tiên hình thành, tổng kinh phí được bố trí cho công tác môi trường là 68.469.590 đồng, tập trung cho các hoạt động tuyên truyền, tổ chức tổng vệ sinh môi trường. UBND phường đã xây dựng dự toán ngân sách năm 2026 và giai đoạn 2026–2028 từ nguồn kinh phí của địa phương, qua đó bảo đảm tính chủ động và ổn định nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường.

Nhìn chung, trong năm 2025, mặc dù phải triển khai nhiệm vụ trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp với nhiều thay đổi về tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ, công tác BVMT của phường Phan Thiết vẫn đạt được những thành công nhất định đáng ghi nhận. Môi trường cơ bản được kiểm soát; vai trò của địa phương trong tiếp nhận, xử lý các kiến nghị về môi trường được phát huy; nguồn lực phục vụ công tác BVMT từng bước được bố trí đáp ứng yêu cầu của địa phương.

2.3. Đánh giá công tác áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng

2.3.1. Đánh giá chung

Nhìn chung, công tác áp dụng pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết đã đạt được những kết quả tích cực nhất định, góp phần cải thiện cảnh quan đô thị, thay đổi nhận thức trách nhiệm của quần chúng Nhân dân trên địa bàn phường, từng bước bảo đảm môi trường sống an toàn, lành mạnh cho Nhân dân. UBND phường đã kịp thời triển khai các chủ trương, văn bản chỉ đạo của cấp trên; chú trọng công tác phổ biến pháp luật, giáo dục về bảo vệ môi trường; vận động người dân thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn, bảo đảm vệ sinh khu dân cư và hạn chế các hoạt động tác động tiêu cực đến môi trường.

Đồng thời, chính quyền phường đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong công tác tập trung và xử lý rác thải sinh hoạt; tổ chức tổng vệ sinh môi trường định kỳ; kịp thời xử lý các điểm ô nhiễm cục bộ phát sinh trong khu dân cư. Công tác

kiểm tra, nhắc nhở các hộ kinh doanh, đơn vị sản xuất về việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT được duy trì thường xuyên, góp phần tăng cường hiệu quả giám sát, kiểm soát về môi trường.

Tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật về BVMT trên địa bàn phường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác BVMT chưa thực sự hiệu quả; chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường còn mỏng và hạn chế về số lượng; trong khi đó, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của một bộ phận tầng lớp Nhân dân và hộ kinh doanh chưa cao, dẫn đến tình trạng vi phạm nhỏ lẻ, tái diễn. Những điều này đã tác động nhất định đến hiệu quả triển khai các nhiệm vụ quản lý môi trường trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Tổng thể cho thấy, mặc dù còn nhiều bất cập cần giải quyết triệt để, song việc thực thi pháp luật về BVMT của phường Phan Thiết đã được triển khai theo đúng định hướng, từng bước đi vào nề nếp. Việc tiếp tục nhận diện rõ những hạn chế, làm rõ nguyên nhân và kiến nghị các phương án phù hợp với tình hình của địa phương là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững trong giai đoạn tới.

2.3.2. Những hạn chế, bất cập trong thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị tại phường Phan Thiết

Việc thực thi pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết vẫn còn những hạn chế, bất cập do cả lý do khách quan và chủ quan, liên quan đến quy hoạch, cơ chế quản lý, nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận tổ chức, cá nhân.

Trước hết, công tác quy hoạch BVMT còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng tốc độ tăng trưởng và thiếu tầm nhìn dài hạn. Quy hoạch khu dân cư chưa liên kết chặt chẽ với yêu cầu BVMT, dẫn đến tình trạng ngập cục bộ vẫn diễn ra nghiêm trọng, đặc biệt tại các khu vực ven sông Cà Ty. Mật độ xây dựng cao làm thu hẹp diện tích thấm nước tự nhiên, trong khi hệ thống xử lý nước còn lạc hậu, chủ yếu sử dụng hệ thống chung, quy mô nhỏ, thiếu sự nhất quán và không đáp ứng mục tiêu đề ra. Việc đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt chưa được chú trọng nhiều, khiến phần

lớn nước thải chưa đảm bảo điều kiện xả thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm và tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư. Bên cạnh đó, quy hoạch hạ tầng môi trường còn hạn chế sự góp sức rộng rãi của quần chúng Nhân dân, dẫn đến tình trạng chùng chẻo trong đầu tư, gây lãng phí nguồn lực và ảnh hưởng đến môi trường đô thị.

Thứ hai, việc tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về BVMT còn nhiều bất cập, khó khăn. Hệ thống công trình hạ tầng và các thiết chế BVMT chưa đáp ứng yêu cầu tăng trưởng đô thị. Công tác tập hợp, phân loại và xử lý rác thải còn bất cập; tình trạng rác tồn đọng cục bộ vẫn xảy ra tại một số có mật độ dân cư đông, tác động tiêu cực đến mỹ quan đô thị và có nguy cơ ô nhiễm môi trường. Không gian công cộng như công viên, khu vui chơi giải trí còn thiếu và quá tải vào các dịp cao điểm, làm gia tăng áp lực đối với công tác tập trung, xử lý rác. Công trình cây xanh đô thị không được quan tâm đúng mức, diện tích cây xanh trên đầu người còn thấp, cơ cấu cây trồng chưa hợp lý, chưa đáp ứng yêu cầu cải thiện môi trường và cảnh quan đô thị.

Thứ ba, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của một số người dân, hộ gia đình và cơ sở kinh doanh còn hạn chế. Công tác phân loại rác thải tại nguồn chưa được triển khai đồng bộ; tại một số khu dân cư còn thiếu trang thiết bị thu gom phù hợp, trong khi tập quán sinh hoạt của Nhân dân chưa đảm bảo điều kiện của pháp luật về kiểm soát chất thải. Tình trạng xả rác bừa bãi, sử dụng phổ biến các sản phẩm nhựa khó phân hủy vẫn còn diễn ra, làm giảm hiệu quả của các chính sách bảo vệ môi trường tại khu dân cư.

Thứ tư, tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT vẫn còn xảy ra, trong khi cơ chế xử lý chưa đủ sức răn đe. Một số cá nhân, hộ kinh doanh, đơn vị sản xuất chưa tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc về thu gom, xử lý chất thải, đặt lợi ích kinh tế lên trên yêu cầu BVMT. Mặc dù đã có quy định các hình thức xử phạt hành chính và truy cứu hình sự đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường, song mức phạt đối với nhiều hành vi vi phạm còn hạn chế, chưa tương xứng hậu quả gây ra, dẫn đến tình trạng chấp nhận nộp phạt để tiếp tục vi phạm. Bên cạnh đó, việc xác định các yếu tố cấu thành trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực môi trường, còn gặp nhiều khó khăn trong

quá trình áp dụng.

Thứ năm, công tác kiểm soát và áp dụng pháp luật về BVMT chưa thường xuyên, đồng bộ. Lực lượng chuyên trách tại địa phương còn mỏng, điều kiện bảo đảm còn hạn chế. Cơ chế kỷ luật đối với cán bộ, công chức trong quản lý môi trường chưa cụ thể, làm giảm khả năng quản lý nhà nước trong công tác BVMT.

Cuối cùng, khó khăn về nguồn lực và sự thiếu đồng bộ của hạ tầng môi trường là rào cản lớn đối với việc thực thi hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Việc đầu tư cho hệ thống tập trung, phân loại và giải quyết chất thải, nổi bật là nước thải sinh hoạt, chưa phù hợp với mục tiêu đề ra. Sự phối hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp, các Tổ dân phố và người dân trong BVMT còn chưa thật sự liên kết, làm giảm hiệu quả áp dụng pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết.

2.3.3. Nguyên nhân

Qua thực tế trên có thể thấy hiệu quả áp dụng pháp luật về BVMT từ thực tế tại phường Phan Thiết chưa cao. Từ thực tiễn tại địa phương, tác giả đưa ra các nhận định như sau:

Thứ nhất, các quy định pháp luật về BVMT của Việt Nam hiện nay vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa thật sự đầy đủ và đồng bộ, chưa đảm bảo yêu cầu quản lý và kiểm soát toàn diện các vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn phường ngày càng gia tăng và phức tạp. Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản khác có liên quan đã có nhiều điểm đổi mới, song trong thực tiễn vẫn tồn tại khoảng trống pháp lý và sự chông chéo trong điều chỉnh, đặc biệt đối với các vấn đề môi trường hình thành ở khu dân cư như quản lý chất thải sinh hoạt, tiếng ồn, mùi hôi và ô nhiễm cục bộ.

Một số điều khoản pháp luật còn mang tính nguyên tắc, khái quát, thiếu hướng dẫn chi tiết về tiêu chí kỹ thuật, tiến trình thực hiện và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong quản lý môi trường. Dẫn đến nhiều bất cập trong khi áp dụng pháp luật ở cấp cơ sở, nhất là tại phường, xã – nơi trực tiếp phát sinh và chịu ảnh hưởng của hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành chưa được triển khai kịp thời hoặc không theo kịp yêu cầu thực tiễn, làm giảm hiệu

lực điều chỉnh.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có yêu cầu “khu dân cư phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt; bảo đảm vệ sinh môi trường”¹³. Song, quy định này chỉ hạn chế ở nguyên tắc chung, không có hướng dẫn cụ thể về: xác định hành vi xả thải sinh hoạt gây ô nhiễm ở mức độ nào thì bị xử lý; trách nhiệm đầu tư hệ thống xử lý nước thải thuộc về hộ dân, khu dân cư tập trung hay Nhà nước; cơ chế xử lý đối với các khu dân cư hiện hữu, hạ tầng thoát nước chung chưa đồng bộ.

Trong thực tế tại các phường đô thị như phường Phan Thiết, phần lớn hộ gia đình xả thải sinh hoạt trực tiếp qua hệ thống cống ngầm dùng chung. Khi xảy ra ô nhiễm cục bộ (mùi hôi, nước đen, bọt nổi), cơ quan quản lý cấp xã rất khó xác định căn cứ pháp lý cụ thể để xử lý, do thiếu quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn chi tiết đối với nước thải sinh hoạt nhỏ lẻ tại phường.

Theo Điều 6 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, hành vi xả thải chưa qua xử lý trái phép ra môi trường là hành vi bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, khi áp dụng xử phạt, cơ quan chức năng phải dựa vào Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Trên thực tế, nhiều hành vi gây ô nhiễm trong khu dân cư (xả nước thải chăn nuôi nhỏ lẻ, mùi hôi, tiếng ồn) khó xác định chính xác khung xử phạt do: Mức xử phạt phụ thuộc vào thông số kỹ thuật (nồng độ ô nhiễm, lưu lượng xả thải). Trong khi đó, cấp xã chưa được trang bị thiết bị, nhân lực chuyên môn để đo đạc, giám định môi trường.

Ví dụ như trường hợp hộ gia đình bà Nguyễn Thị Lợi, thường trú Tổ dân phố 24 chăn nuôi heo trong khu dân cư xả thải trực tiếp ra cống thoát nước chung: dù có dấu hiệu vi phạm rõ ràng, nhưng việc xử phạt gặp khó khăn vì không đánh giá được mức độ gây ô nhiễm, dẫn đến việc xử lý kéo dài hoặc chỉ hạn chế ở cảnh cáo, cam kết.

Tuy các điều khoản của pháp luật đã nêu đầy đủ về trách nhiệm kiểm soát vi phạm môi trường Luật BVMT năm 2020, nhưng trong thực tiễn đô thị: Việc kiểm tra môi trường chủ yếu mang tính định kỳ, chưa thường xuyên; công tác phối hợp giữa

¹³ Điều 57, Luật Bảo vệ môi trường 2020.

chính quyền địa phương với các cơ quan cấp trên có thẩm quyền còn chậm; việc xử lý vi phạm kéo dài, thiếu tính kiên quyết.

Thực tế cho thấy, nhiều cơ sở hoặc hộ dân gây ô nhiễm môi trường đã được nhắc nhở, lập biên bản nhiều lần nhưng chưa bị xử phạt hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời, dẫn đến tình trạng “nhờn luật”. Điều này làm giảm sự tín nhiệm của Nhân dân vào hiệu lực của pháp luật và tạo tiền lệ xấu trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT trong khu dân cư.

Đáng chú ý, hiệu quả thực thi của một số quy định còn thấp, chủ yếu dừng lại ở mức độ nhắc nhở, vận động, mang tính hình thức, thiếu tính răn đe. Việc tổ chức thực hiện, kiểm soát và giải quyết các vi phạm trong nhiều trường hợp chưa quyết liệt, dẫn đến việc pháp luật môi trường tồn tại trên giấy nhưng chưa đi vào cuộc sống. Hệ quả là ô nhiễm môi trường đô thị vẫn tiếp tục, tác động tiêu cực đến chất lượng sống của Nhân dân và đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục nâng cấp khung pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị theo hướng hoàn thiện, khả thi và hiệu quả hơn.

Thứ hai, công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đô thị tại phường Phan Thiết còn bộc lộ nhiều thiếu sót; việc giao trách nhiệm chưa rõ ràng, thiếu hợp lý, số lượng cán bộ còn thiếu và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác quản lý môi trường không phù hợp với khối lượng việc làm. Số lượng chuyên viên làm môi trường còn rất hạn chế. Chưa có nhiều chuyên gia sâu trong từng lĩnh vực và chưa có chế độ, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ này. Bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu đội ngũ có chuyên môn chưa được đáp ứng kịp thời.

Hiện nay, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị của phường chỉ được phân công 01 chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường, dẫn đến nhiều khó khăn trong quá trình thực thi công vụ. Khối lượng công việc lớn, trải rộng trên nhiều nội dung như kiểm tra, kiểm soát, giải quyết các vi phạm, tham mưu các chương trình, kế hoạch... khiến việc áp dụng pháp luật BVMT chưa đạt hiệu quả cao. Nhân lực mỏng cũng làm hạn chế khả năng bám sát cơ sở, nắm bắt kịp thời các phát sinh và thực hiện tuyên truyền thường xuyên cho các tầng lớp Nhân dân. Đây là khó khăn lớn mà địa phương đang nỗ lực tìm giải pháp khắc phục nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với

việc thực hiện BVMT diễn ra trên địa bàn phường.

Thứ ba, vẫn còn tình trạng thiếu kiên quyết trong việc xử lý các trường hợp gây ô nhiễm. Ví dụ như việc hộ gia đình bà Nguyễn Thị Lợi, thường trú tại Tổ dân phố 24, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng. Đây là hộ gia đình chăn nuôi gia súc (heo) trong khu dân cư, xả thải chăn nuôi trực tiếp vào đường thoát nước chung của các hộ gia đình. Việc mùi hôi thối và tiếng ồn phát ra gây tác động tiêu cực đến quá trình sinh hoạt của những hộ gia đình kế cận. Đồng thời phát sinh một số nguy cơ về phòng cháy chữa cháy do nuôi và nấu thức ăn chăn nuôi trực tiếp tại nhà. Trước đây UBND phường Bình Hưng (trước sáp nhập) đã tiến hành làm việc nhiều lần, đã đề xuất UBND thành phố Phan Thiết phối hợp xử lý, kiểm tra, xử phạt, tuy nhiên vẫn chưa thực hiện.

Xét về nguyên tắc và nghĩa vụ chung về BVMT, khoản 1 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: *“Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.”* Đồng thời, Luật nghiêm cấm hành vi xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường¹⁴. Đối chiếu với trường hợp hộ gia đình chăn nuôi gia súc trong khu dân cư, xả thải trực tiếp không qua xử lý, có thể khẳng định đây là hành vi vi phạm rõ ràng điều cấm của Luật. Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng quy định này gặp khó khăn do hành vi gây ô nhiễm diễn ra dưới hình thức hộ gia đình nhỏ lẻ, hệ thống xả thải chung cho cả hộ gia đình, khiến việc xử lý không triệt để.

Điều 72 và Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định trách nhiệm của hộ dân, cá nhân trong việc tập trung, giải quyết nước thải và chất thải hình thành trong sinh hoạt, bảo đảm gìn giữ môi trường lành mạnh. Luật yêu cầu nước thải sinh hoạt phải được xử lý theo quy định trước khi thải ra môi trường. Tại nhiều khu vực, hệ thống thoát nước chung đã bị xuống cấp, tạm bợ. Điều này dẫn đến khoảng trống trong quá trình thực hiện pháp luật, khi chính quyền cơ sở khó yêu cầu hộ gia đình tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ xử lý nước thải trong điều kiện còn hạn chế.

Thông tư 10/2021/TT-BTNMT quy định hoạt động quản lý môi trường phải

¹⁴ Điều 6, Luật Bảo vệ môi trường năm 2025.

dựa trên cơ sở khoa học, số liệu giám sát, giám định môi trường. Trong khi đó, đối với hành vi xả thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước sử dụng bởi nhiều hộ gia đình, việc nhận định ngưỡng ô nhiễm cụ thể do một hộ gia đình gây ra là rất khó khăn, bởi nước thải đã bị hòa trộn với nước thải của nhiều hộ khác. Việc lấy mẫu, phân tích để chứng minh hành vi vi phạm đòi hỏi kinh phí, thiết bị và chuyên môn kỹ thuật mà cấp xã còn hạn chế. Đây là một trong những nguyên nhân chính khiến việc giải quyết vi phạm về BVMT trong khu dân cư chưa đạt hiệu quả đề ra, dù có đầy đủ cơ sở pháp lý.

Xét về chế tài xử phạt vi phạm hành chính về BVMT, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ đã cụ thể hóa các hành vi vi phạm và mức xử phạt tương ứng. Theo đó, hành vi xả nước thải sinh hoạt không qua xử lý hoặc không đạt quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường có thể bị xử phạt tiền, kèm theo phương án nhằm khắc phục sự cố như buộc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, cải tạo lại tình trạng môi trường. Song, việc thực hiện các quy định này danh cho hộ gia đình gặp nhiều trở ngại, nhất là khi đối tượng vi phạm có thái độ chống đối, không hợp tác trong quá trình kiểm tra, xác minh và thi hành quyết định xử phạt. Ngoài ra, mức phạt đối với hộ gia đình thường không cao, dẫn đến tâm lý coi nhẹ việc chấp hành pháp luật, thậm chí chấp nhận bị xử phạt để tiếp tục vi phạm.

Điều 168 Luật BVMT năm 2020 quy định UBND các cấp có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật nhằm BVMT tại địa bàn quản lý, chủ động phát hiện, giải quyết các sai phạm. Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế, thẩm quyền xử lý của cấp xã còn giới hạn, việc xử lý các sai phạm kéo dài, phức tạp thường phải kiến nghị, phối hợp với cấp trên, dẫn đến độ trễ trong thực thi pháp luật và làm giảm tính răn đe.

Thứ tư, nguồn lực đầu tư cho công tác BVMT của phường Phan Thiết còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng thực tiễn tại địa phương. Nguồn lực tài chính dành cho các hoạt động BVMT chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, trong khi tỷ trọng chi cho lĩnh vực này còn thấp so với nhu cầu ngày càng gia tăng của quá trình tăng trưởng tổng thể của địa phương. Thực trạng này không chỉ diễn ra tại phường Phan

Thiết mà còn là tình trạng phổ biến ở nhiều đô thị trên cả nước.

Việc thiếu hụt nguồn lực tài chính đã ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các nhiệm vụ BVMT, như nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; bố trí đầy đủ trang thiết bị, vận chuyển và xử lý chất thải; cũng như đầu tư cho hoạt động đo đạc và giám sát môi trường và ứng phó sự cố môi trường. Bên cạnh đó, hạn chế về kinh phí còn khiến công tác thông tin, truyền thông, giáo dục pháp luật về BVMT chưa được triển khai thường xuyên, sâu rộng và thiếu tính bền vững, làm giảm ý thức của người dân.

Ngoài ra, nguồn kinh phí hạn chế cũng dẫn đến việc chưa thu hút được các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, trong khi cơ chế, chính sách khích lệ sự hợp tác, đồng hành của tổ chức và cá nhân còn chưa đủ hấp dẫn và cụ thể. Điều này làm cho công tác BVMT chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước, thiếu sự chia sẻ trách nhiệm và đồng hành từ các cá nhân, tổ chức khác trong xã hội.

Từ thực tiễn có thể nhận định, việc BVMT tại phường Phan Thiết chưa được đầu tư tương xứng với vai trò và tầm quan trọng của lĩnh vực này trong phát triển đô thị bền vững. Đây là một trong những yếu tố cơ bản làm giảm hiệu quả sử dụng pháp luật về BVMT, đòi hỏi trong tương lai cần có biện pháp nhằm bố trí ngân sách, thúc đẩy các nguồn lực đầu tư cho công tác BVMT nhằm phù hợp yêu cầu tăng trưởng theo hướng xanh, sạch, bền vững.

Thứ năm, nhận thức chấp hành pháp luật của một số tầng lớp Nhân dân trên địa bàn phường Phan Thiết còn hạn chế, chưa tương xứng với quá trình đô thị hóa và tăng trưởng lâu bền. Thực tế, tại một số khu dân cư cũng như tại nhiều địa điểm công cộng, tình trạng người dân vi phạm các quy định pháp luật vẫn khá phổ biến và chưa được giải quyết triệt để.

Cụ thể, vẫn tồn tại nhiều hành vi tự ý đổ rác thải, nước thải sinh hoạt ra sông hoặc ven biển và các khu vực công cộng, gây ô nhiễm môi trường và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư. Đáng chú ý, tại một số địa điểm công cộng đã bố trí đầy đủ thùng chứa rác theo quy định, song vẫn còn tình trạng người dân xả rác bừa bãi, không đúng nơi quy định, thể hiện sự thiếu ý thức trong việc BVMT tại

khu vực sinh hoạt công cộng.

Kết quả trên xuất phát từ việc một bộ phận người dân chưa hiểu đầy đủ vai trò, ý nghĩa của việc BVMT, coi đây là nhiệm vụ của Nhà nước, chưa nhận thức rõ trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ của cá nhân theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, công tác thông tin, truyền thông, phổ biến tuy đã được triển khai nhưng chưa thật sự thường xuyên, chưa đa dạng về hình thức và chưa tạo được sự thay đổi trong nhận thức và hành vi của người dân.

Hệ quả là những hành vi vi phạm nêu trên làm gia tăng ô nhiễm môi trường, đồng thời, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về môi trường, làm tăng chi phí giải quyết, thu gom chất thải và ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu phát triển bền vững của phường Phan Thiết.

Thứ sáu, về phía các hộ kinh doanh nhìn chung ý thức và nghĩa vụ chấp hành pháp luật về BVMT còn nhiều hạn chế. Trong thực tiễn, không ít cơ sở chưa thực sự coi trọng việc BVMT, còn tồn tại tâm lý không hợp tác, đối phó trong việc thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu khả năng gây ô nhiễm môi trường.

Biểu hiện rõ nét của tình trạng này là việc chưa thực hiện chặt chẽ các yêu cầu về phân loại và xử lý chất thải; số ít cơ sở chỉ tuân thủ các thủ tục môi trường khi có hoạt động quản lý của cơ quan chức năng. Đặc biệt, có cơ sở còn tìm cách né tránh, chậm khắc phục hoặc không khắc phục triệt để các sai phạm, dẫn đến nguy cơ phát sinh ô nhiễm kéo dài trong khu dân cư.

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc ưu tiên lợi ích kinh tế ngắn hạn, coi chi phí cho BVMT là gánh nặng làm giảm lợi nhuận; đồng thời nhận thức các quy định về môi trường của số ít chủ cơ sở còn thiếu sót, chưa hiểu đầy đủ trách nhiệm pháp lý và hậu quả lâu dài của hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, công tác quản lý và xử lý vi phạm trong một số thời điểm chưa đủ tính răn đe, vô hình trung làm gia tăng tâm lý chủ quan, đối phó của các chủ cơ sở.

Thứ bảy, mức xử phạt đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm. Mặc dù hệ thống pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã được kiện toàn, đặc biệt với việc ban

hành Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ, tuy nhiên trên thực tế, mức xử phạt đối với một số hành vi gây ô nhiễm môi trường tại khu dân cư và đô thị vẫn chưa đủ cao, chưa tạo được tính răn đe cần thiết, nhất là các hành vi vi phạm mang tính kéo dài, tái diễn nhiều lần.

Điều 6 Luật BVMT năm 2020 quy định hành vi xả chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường là hành vi bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, khi thực thi xử phạt theo Nghị định 45/2022/NĐ-CP, mức phạt cho một số hành vi phổ biến trong khu dân cư như xả nước thải sinh hoạt, gây mùi hôi thối hoặc ô nhiễm cục bộ thường chỉ dao động ở mức từ vài trăm nghìn đến vài triệu đồng, tùy theo lưu lượng và mức độ vượt quy chuẩn.

Thực tiễn tại phường Phan Thiết cho thấy, tình trạng ô nhiễm tiếng ồn phát sinh từ các đơn vị kinh doanh dịch vụ giải trí như quán karaoke, quán nhậu, quán cà phê mở nhạc công suất lớn và các điểm tổ chức ăn uống ban đêm đang diễn ra khá phổ biến, gây tác động tiêu cực cho người dân.

Các cơ sở dịch vụ tại phường thường xuyên sử dụng loa công suất lớn, mở nhạc quá giờ quy định, đặc biệt vào buổi tối và ban đêm, trong khi không áp dụng các giải pháp cách âm, hạn chế tiếng ồn theo quy định. Tiếng ồn kéo dài, liên tục không chỉ gây khó chịu mà còn tác động xấu đến sức khỏe của người dân.

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hành vi gây ô nhiễm môi trường, bao gồm ô nhiễm tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, là hành vi bị nghiêm cấm¹⁵. Bên cạnh đó, Luật BVMT 2020 quy định trách nhiệm trong việc kiểm soát tiếng ồn, bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường sống của người dân¹⁶.

Tại phường Phan Thiết, việc giải quyết các hoạt động gây ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu vẫn dừng lại ở mức nhắc nhở hoặc xử phạt hành chính theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, với mức phạt phổ biến là cảnh cáo hoặc từ một triệu đồng đến ba triệu đồng đối với hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong

¹⁵ Khoản 4, Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường 2020

¹⁶ Điều a, khoản 1, Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020

khu dân cư. Do mức xử phạt chưa tương xứng với lợi ích kinh tế thu được từ hành vi vi phạm, nên chưa tạo áp lực pháp lý đủ lớn, làm cho tình trạng vi phạm có xu hướng lặp lại.

Một trong những nguyên nhân quan trọng làm hạn chế hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường là bất cập trong việc xác định và xử lý hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn. Trên thực tế, UBND phường chưa có thiết bị đo tiếng ồn chuyên dụng, không đủ điều kiện làm cơ sở pháp lý để xử phạt sai phạm và chưa được phân cấp nhiệm vụ cụ thể khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Bên cạnh đó, lực lượng công chức phụ trách môi trường ở cấp xã còn mỏng, chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ đo đạc, đánh giá mức độ tiếng ồn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Ngoài ra, thẩm quyền đo đạc mức độ ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu thuộc về đơn vị cấp trên, trong khi cấp xã chỉ có vai trò kiểm tra ban đầu và phối hợp xử lý. Việc phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đo tiếng ồn chưa được quy định cụ thể, đặc biệt trong giai đoạn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đã gây lúng túng trong tổ chức thực hiện và làm gián đoạn quá trình xử lý vi phạm. Hơn nữa, hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn thường không kéo dài, không liên tục, mang tính thời điểm và dễ né tránh, khó tiến hành đo đạc đúng thời điểm vi phạm để làm căn cứ xử phạt.

Những hạn chế nêu trên làm giảm tính răn đe của pháp luật về BVMT, dẫn đến việc vi phạm về tiếng ồn tại khu dân cư còn kéo dài và tồn đọng.

Các cơ sở kinh doanh thường có hành vi đối phó, giảm âm lượng tạm thời khi có lực lượng chức năng kiểm tra, sau đó tiếp tục vi phạm. Điều này làm hạn chế hiệu quả thực thi pháp luật, gây bức xúc cho các hộ dân sống gần bên.

Hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn tuy không gây thiệt hại tức thời, rõ ràng như ô nhiễm nước hay chất thải rắn, nhưng lại tác động lâu dài đến việc sinh sống của người dân, trong khi cơ chế xử lý hiện nay chưa phản ánh đầy đủ mức độ nguy hại này.

Từ ví dụ về ô nhiễm tiếng ồn phát sinh từ các cơ sở kinh doanh tại phường Phan Thiết có thể thấy rằng, mức xử phạt đối với hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn còn thấp, thiếu tính răn đe, trong khi công tác quản lý và trang bị phương tiện đo đạc còn hạn chế. Đây là lý do khiến việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị, đặc

biệt là ô nhiễm tiếng ồn trong khu dân cư, vẫn diễn ra liên tục và chưa được giải quyết triệt để.

Qua nghiên cứu tại phường Phan Thiết có thể khẳng định rằng, việc nâng cao mức xử phạt và tăng cường các biện pháp xử lý bổ sung đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường là nhu cầu quan trọng, nhằm tăng cường tính răn đe, gia tăng mức độ hiệu quả thi hành pháp luật và bảo vệ quyền lợi chính đáng của Nhân dân. Đây cũng là nội dung quan trọng nên đánh giá, xem xét trong quá trình hoàn thiện pháp luật về BVMT ở Việt Nam hiện nay.

Hiện trạng này không chỉ làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường đô thị, tác động xấu đến đời sống, sinh hoạt, thể chất của người dân xung quanh, mà còn hạn chế cho công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn phường Phan Thiết, đặt ra yêu cầu cấp thiết, các giải pháp tăng cường hiểu biết pháp luật, kết hợp giữa tuyên truyền, hỗ trợ và xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm.

Như vậy, việc liên hệ thực tiễn với các chế tài của pháp luật về BVMT, bất cập, khiếm khuyết trong công tác BVMT tại cộng đồng dân cư không xuất phát từ việc thiếu chế tài pháp lý, mà chủ yếu nằm ở khâu tổ chức thực hiện, kiểm soát và áp dụng pháp luật. Đây là tiền đề quan trọng để luận văn tiếp tục kiến nghị các phương án nhằm kiện toàn pháp luật và tăng cường hiệu quả áp dụng trong Chương 3.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua phân tích ở Chương 2 cho thấy, công tác áp dụng pháp luật về BVMT của phường Phan Thiết đã có những kết quả tích cực. Phường Phan Thiết đã chủ động triển khai các quy định pháp luật về môi trường bằng cách việc xây dựng, thực hiện các văn bản, tuyên truyền, kiểm soát; duy trì hoạt động xử lý rác thải, bảo vệ cảnh quan và giải quyết các điểm ô nhiễm phát sinh. Nỗ lực này tạo nên sự nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, giữ gìn chất lượng môi trường và bảo đảm nhu cầu sống cho cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu cũng cho thấy hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết vẫn còn những bất cập chưa được giải quyết. Cơ sở hạ tầng môi trường chưa thống nhất; việc xử lý, thu gom rác thải còn chưa đảm bảo; hệ thống thoát nước chưa đáp ứng với quy mô phát triển đô thị, dẫn đến ngập úng khi mưa lớn; tình trạng sai phạm về BVMT tại các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất vẫn còn diễn ra. Bên cạnh đó, nguồn lực cho công tác quản lý môi trường còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát và giải quyết các sai phạm.

Các hạn chế trên bắt nguồn từ nhiều yếu tố, bao gồm áp lực đô thị hóa, sự thiếu đồng bộ của một số quy định, ý thức chấp hành pháp luật môi trường chưa cao, cùng hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân lực chuyên môn, qua đó tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường tại phường Phan Thiết.

Qua đánh giá, tuy đã có nhiều cố gắng trong áp dụng pháp luật về BVMT, song hiệu quả áp dụng tại phường Phan Thiết vẫn chưa tương xứng với yêu cầu phát triển đô thị hiện nay. Đây là căn cứ để đề án kiến nghị các biện pháp hoàn thiện trong Chương 3, hướng đến tăng trưởng lâu dài và cải thiện chất lượng môi trường sống cho Nhân dân.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI PHƯỜNG PHAN THIẾT

3.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường

Thứ nhất, cần hoàn thiện quy định về phân cấp, phân quyền trong việc giám sát BVMT. Cần duy trì rà soát, hoàn thiện các quy định của Luật BVMT 2020 theo hướng làm rõ hơn thẩm quyền, nhiệm vụ của đơn vị quản lý nhà nước các cấp trong công tác quản lý môi trường. Việc phân cấp cần bảo đảm tính đồng bộ với Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 và Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ, tránh chồng chéo, bỏ sót trách nhiệm hoặc vượt quá năng lực thực thi của cấp phường. Một trong những khó khăn lớn trong thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường tại cấp xã hiện nay là vấn đề bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện. Mặc dù Điều 27 Nghị định 131/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền của HĐND cấp xã trong việc bố trí nguồn lực tài chính thực hiện công tác BVMT, đồng thời điểm h khoản 2 Điều 168 Luật BVMT 2020 có đề cập đến việc huy động và sử dụng nguồn lực cho công tác BVMT, song điều này mới dừng ở tính chất định hướng, mang tính khuyến khích, chưa xác lập một tỷ lệ phân bổ ngân sách cụ thể. Cách sử dụng thuật ngữ mang tính “huy động”, “sử dụng nguồn lực” dẫn đến việc áp dụng trên thực tế còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện từng địa phương, thiếu tính bắt buộc và khó bảo đảm nguồn lực ổn định, lâu dài.

Trong bối cảnh cấp xã là nơi trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ quản lý, tuyên truyền, kiểm soát và giải quyết các sai phạm về môi trường, việc không có cơ chế phân bổ ngân sách tối thiểu dễ dẫn đến tình trạng việc thực hiện BVMT bị xem nhẹ hoặc bị cắt giảm khi phải ưu tiên cho các định hướng tăng trưởng kinh tế – xã hội trước mắt. Điều này chưa tương xứng với vị trí then chốt của môi trường trong vấn đề giữ chất lượng sống của Nhân dân, duy trì hệ sinh thái và tạo nền tảng thu hút đầu tư, phát triển bền vững.

Từ những phân tích trên, đề án kiến nghị sửa đổi điểm h khoản 2 Điều 168 Luật BVMT năm 2020 theo hướng: “Hàng năm bố trí ít nhất 5% dự toán kinh phí phát triển kinh tế – xã hội của địa phương cho công tác bảo vệ môi trường.” Việc xác định một tỷ lệ tối thiểu mang tính bắt buộc sẽ tạo quy định rõ ràng cho HĐND cấp xã trong quá trình quyết định dự toán ngân sách, đồng thời bảo đảm nguồn lực ổn định. Quy định này không tác động đáng kể đến nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, mà ngược lại còn góp phần bảo đảm việc hài hòa phát triển tổng thể, bao gồm của môi trường, thích hợp với mục tiêu phát triển lâu bền.

Thứ hai, cần đặc biệt chú trọng nguyên tắc phòng ngừa, chủ động kiểm soát và ngăn chặn rủi ro môi trường ngay từ giai đoạn đầu. Nguyên tắc này đã được trình bày xuyên suốt trong Luật BVMT 2020 thông qua các cơ chế như đánh giá tác động môi trường, giấy phép đăng ký môi trường, quy hoạch BVMT và kiểm soát nguồn thải. Đây là sự thể chế hóa quan điểm quản lý môi trường hiện đại: lấy ngăn chặn là chính, kết hợp giữa phòng ngừa – quản lý – khôi phục¹⁷.

Việc xử lý hậu quả ô nhiễm không chỉ đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn mà còn có thể gây tổn thất lâu dài về hệ sinh thái và cơ hội phát triển tổng thể của địa phương. Do đó, luật đã chuyển mạnh từ cách tiếp cận “xử lý hậu quả” sang “quản lý rủi ro”, yêu cầu các chủ thể phải nhận diện trước nguy cơ gây ô nhiễm, dự báo tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai ở cấp cơ sở cho thấy cơ chế phòng ngừa còn bộc lộ nhiều bất cập: việc thẩm định và kiểm soát việc thực hiện đánh giá tác động môi trường chưa đạt hiệu quả cao; hoạt động hậu kiểm thiếu chặt chẽ; năng lực đánh giá rủi ro môi trường của cấp cơ sở còn hạn chế; chế tài đối với vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa chưa bảo đảm tính răn đe. Hệ quả là một số hành vi gây ô nhiễm chỉ được phát hiện khi hậu quả đã phát sinh.

Từ những phân tích trên, đề án trình bày phương án hoàn thiện pháp luật theo các cách bổ sung quy định chi tiết hơn về nghĩa vụ của các chủ thể trong việc thực hiện

¹⁷ Lê Kim Nguyệt (2024), “Một số yêu cầu khi hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong xu thế phát triển bền vững”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, tại: <https://danchuphapluat.vn/mot-so-yeu-cau-khi-hoan-thien-phap-luat-bao-ve-moi-truong-trong-xu-the-phat-trien-ben-vung-4354.html>.

ng nghiêm và trung thực các vấn đề cam kết BVMT; tăng cường biện pháp xử lý đối với trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện sai các vấn đề ĐTM, giấy phép môi trường. Hoàn thiện cơ chế hậu kiểm, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giám sát việc tuân thủ các điều kiện môi trường sau khi dự án đi vào hoạt động; đồng thời ứng dụng công nghệ số, hệ thống đánh giá, giám sát tự động để quản lý nguồn thải. Bổ sung chế tài, cơ sở pháp lý về cơ chế đánh giá rủi ro môi trường bởi các hoạt động có khả năng cao tại khu dân cư, gắn với trách nhiệm bồi thường và ký quỹ phục hồi môi trường, bảo đảm nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả”. Tăng cường quy định về tham khảo, tư vấn của cộng đồng trong việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, qua đó phát huy vai trò đánh giá, kiểm tra xã hội, nâng cao tính minh bạch và phòng ngừa xung đột môi trường.

Việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo cách thức đề cao nguyên tắc phòng ngừa sẽ góp phần bảo đảm môi trường được bảo vệ ngay từ gốc, giảm thiểu rủi ro và chi phí xã hội, đồng thời đáp ứng với mục tiêu phát triển mà Luật BVMT năm 2020 đã đặt ra.

Thứ ba, việc kiện toàn pháp luật về BVMT cần đặt trên yếu tố cốt lõi bảo đảm quyền con người. Quyền này đã được thể hiện tại Điều 43 Hiến pháp năm 2013 đồng thời tiếp tục được cụ thể hóa trong Luật BVMT 2020. Đây không chỉ là một quyền hiến định mà còn là cơ sở để xác lập trách nhiệm của Nhà nước trong việc tổ chức quản lý, giám sát ô nhiễm và bảo đảm chất lượng môi trường sống cho Nhân dân.

Trong bối cảnh hiện nay, khi các giá trị về quyền con người, dân chủ và công bằng xã hội được các cấp Nhà nước chú trọng triển khai, việc xây dựng pháp luật môi trường không thể chỉ tiếp cận từ góc độ quản lý hành chính hay phát triển kinh tế đơn thuần, mà phải đặt con người làm trung tâm. Môi trường không dừng lại ở yếu tố tự nhiên mà còn là điều kiện thiết yếu bảo đảm sức khỏe, sinh kế và sự phát triển toàn diện của con người. Điều này cũng phù hợp với các chỉ tiêu đánh giá cuộc sống mà World Bank (WB) thường sử dụng, trong đó ngoài thu nhập và hệ thống an sinh xã

hội, chất lượng môi trường cũng được xem là trụ cột phản ánh mức độ phát triển hài hòa và lâu dài của một quốc gia¹⁸.

Tuy nhiên, trên thực tế, trong quá trình hoàn thiện và thực thi pháp luật môi trường vẫn còn tồn tại xu hướng ưu tiên tăng trưởng kinh tế ngắn hạn hơn là bảo đảm quyền môi trường của người dân. Một số quy định chưa rõ ràng cơ chế bảo vệ quyền này; cơ chế khiếu nại, khởi kiện hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường còn phức tạp, khó tiếp cận; vai trò giám sát của cộng đồng chưa được phát huy hiệu quả. Điều đó cho thấy quyền được bảo đảm điều kiện môi trường an toàn, lành mạnh tuy đã được thừa nhận về phương diện pháp lý nhưng chưa được bảo đảm đầy đủ trong thực tiễn.

Đề án kiến nghị hoàn thiện pháp luật theo các hướng sau: Tiếp tục cụ thể hóa quyền được bảo đảm điều kiện môi trường an toàn, lành mạnh bằng các điều khoản rõ ràng về trách nhiệm của chính quyền nhà nước trong bảo đảm tính bền vững, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình khi để xảy ra ô nhiễm nghiêm trọng. Hoàn thiện cơ chế pháp lý để người dân sử dụng quyền của mình, bao gồm mở rộng quyền khởi kiện vì lợi ích chung trong lĩnh vực môi trường; đơn giản hóa việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm; nâng cao việc tham vấn và theo dõi của cộng đồng đối với các trường hợp có khả năng ảnh hưởng đến môi trường. Giữ sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và quyền môi trường từ việc đưa tiêu chí môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương, xem đó là điều kiện bắt buộc thay vì yếu tố phụ trợ. Hoàn thiện pháp luật theo định hướng lấy quyền con người làm trung tâm sẽ tăng cường hiệu quả hoạt động kiện toàn pháp luật, bảo đảm tính nhân văn của pháp luật môi trường và tạo nền tảng cho phát triển lâu bền.

Thứ tư, pháp luật về BVMT cần bảo đảm nghiêm nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả”. Đây là điều cơ bản của pháp luật môi trường hiện đại, qua đó để các chủ thể gây ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm tài chính tương xứng với quy mô thiệt hại và khoản tiền khôi phục. Nguyên tắc này đã được ghi nhận trong Luật

¹⁸ Lê Kim Nguyệt (2024), “Một số yêu cầu khi hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong xu thế phát triển bền vững”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, tại: <https://danchuphapluat.vn/mot-so-yeu-cau-khi-hoan-thien-phap-luat-bao-ve-moi-truong-trong-xu-the-phat-trien-ben-vung-4354.html>.

Bảo vệ môi trường 2020 và được cụ thể hóa thông qua các cơ chế như: thuế bảo vệ môi trường, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, ký quỹ cải tạo tái tạo môi trường, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, trách nhiệm giải quyết chất thải.

Về bản chất, nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả” không chỉ mang ý nghĩa bồi hoàn thiệt hại, mà còn nhằm nội hóa chi phí môi trường vào chi phí vận hành của chủ thể gây ô nhiễm. Điều này đáp ứng sự công bằng xã hội, tránh tình trạng cộng đồng phải gánh chịu chi phí do hành vi gây ô nhiễm của một số đơn vị, cá nhân; tạo động lực để các cơ sở kinh doanh đổi mới công nghệ, giảm phát thải và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng, việc thực hiện nguyên tắc này vẫn còn những bất cập như: mức xử phạt hành chính chưa thực sự tương xứng với mức độ tổn thương của môi trường; việc xác định mức độ thiệt hại và chi phí phục hồi còn phức tạp; cơ chế cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và bồi thường chưa đủ mạnh; một số khoản phí, thuế môi trường chưa phản ánh đầy đủ chi phí xã hội do ô nhiễm gây ra. Hệ quả là có trường hợp chủ thể vi phạm vẫn chấp nhận nộp phạt thay vì đầu tư công nghệ xử lý, làm hạ thấp hiệu quả răn đe.

Nhằm hoàn thiện pháp luật về BVMT và áp dụng trong thực tế nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” trong công tác BVMT. Đầu tiên, cần quy định về xác định và tính toán thiệt hại môi trường theo hướng minh bạch, có phương pháp định lượng cụ thể, làm cơ sở cho việc bồi thường và yêu cầu phục hồi môi trường. Đồng thời, nâng mức chế tài tài chính đối với hành động gây ô nhiễm có tính chất đặc biệt lớn; đồng thời tăng cường cơ chế buộc khắc phục hậu quả, đình chỉ hoạt động đối với trường hợp cố tình vi phạm,...Song song với đó, mở rộng và hoàn thiện cơ chế ký quỹ, bảo đảm tài chính trong các lĩnh vực tiềm ẩn khả năng gây ô nhiễm; bảo đảm chủ thể gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm ngay cả khi không còn khả năng tài chính sau khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, tăng cường công khai thông tin về các cơ sở vi phạm và nghĩa vụ tài chính môi trường nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Việc triển khai nghiêm khái niệm “người gây ô nhiễm phải trả” không chỉ bảo đảm công bằng mà còn góp phần hình thành cơ chế kinh tế thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sử dụng tài nguyên tiết kiệm và phát triển lâu dài, đáp ứng với mục tiêu hoàn thiện khung pháp lý về BVMT trong giai đoạn hiện nay.

Thứ năm, tăng cường cơ chế công khai, minh bạch thông tin môi trường và bảo đảm sự tham gia của Nhân dân trong áp dụng pháp luật về BVMT.

Công khai, minh bạch thông tin môi trường là yếu tố quan trọng để bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin của người dân, đồng thời tạo cơ sở cho xã hội kiểm soát hoạt động quản lý nhà nước và hành vi của các tổ chức, cá nhân có nguy cơ gây ô nhiễm. Trong thực tiễn, việc đưa thông tin về chất lượng môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc diễn biến các sai phạm về môi trường còn bất cập, thiếu kịp thời và chưa đồng bộ, làm hạn chế việc giám sát xã hội và hạn chế vai trò phản biện của cộng đồng.

Do đó, pháp luật cần quy định cụ thể hơn về phạm vi thông tin được công khai; hình thức thực hiện (cổng thông tin điện tử, phương tiện truyền thông, niêm yết tại trụ sở cơ quan, chính quyền cơ sở); thời điểm và trách nhiệm của đơn vị trong việc cung cấp thông tin. Đồng thời, lập cơ chế bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và cập nhật của dữ liệu môi trường.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện quy định về sự đóng góp ý kiến của Nhân dân trong quá trình xây dựng chính sách, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và kiểm tra việc thực hiện các cam kết BVMT của doanh nghiệp. Việc tham vấn cộng đồng cần được thực hiện thực chất, không mang tính hình thức; ý kiến của người dân phải được tổng hợp, giải trình và phản hồi công khai.

Tăng cường công khai và sự chung tay của người dân không chỉ góp phần tăng hiệu quả triển khai pháp luật về BVMT mà còn tăng cường vững chắc trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, phòng ngừa vi phạm và giảm thiểu xung đột môi trường.

Thứ sáu, hoàn thiện chính sách khai thác nguồn lực xã hội và tăng cường thực hiện các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường.

BVMT là lĩnh vực đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn và ổn định, tuy nhiên ngân sách nhà nước còn eo hẹp, nhất là ở cấp địa phương. Do đó, việc điều chỉnh cơ chế huy động xã hội hóa là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm tính bền vững trong áp dụng pháp luật về BVMT. Pháp luật cần quy định rõ các hình thức xã hội hóa hoạt động BVMT, vận động các chủ thể tham gia đầu tư vào hạ tầng xử lý chất thải, năng lượng sạch và các dịch vụ môi trường.

Bên cạnh đó, việc tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi của các chủ thể gây tác động đến môi trường. Các công cụ như thuế bảo vệ môi trường, cơ chế tín chỉ carbon cần hoàn thiện theo hướng minh bạch, phù hợp thực tiễn và bảo đảm nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Việc này không chỉ góp phần nội hóa chi phí môi trường mà đồng thời tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sạch, ít phát thải ra ngoài môi trường.

Cần quản lý, sử dụng các nguồn thu từ công cụ kinh tế môi trường đảm bảo, bảo đảm nguồn lực được tái sử dụng cho các hoạt động nâng cao chất lượng môi trường, thay vì phân tán hoặc sử dụng chưa đúng mục đích. Sự minh bạch trong quản lý tài chính môi trường cũng là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao niềm tin và sự đồng thuận của xã hội.

Hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực và công cụ kinh tế không chỉ hạ thấp chi phí từ ngân sách mà còn góp phần hình thành cơ chế quản lý môi trường dựa trên thị trường, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong bối cảnh phát triển đô thị và công nghiệp hóa hiện nay.

3.2. Kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường tại phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng

3.2.1. Kiến nghị tại địa phương

Để khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc thực thi pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, việc triển khai các phương án cần được thực hiện một cách thống nhất, có trọng điểm. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, tuyên truyền, giáo dục nhằm cải thiện nhận thức BVMT của người dân.

Thực hiện có hiệu quả Luật BVMT năm 2020 và các văn bản có liên quan. Trong đó, thực hiện tuyên truyền, lồng ghép các nội dung của Luật BVMT đến toàn bộ các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp. Đẩy mạnh hiểu biết, ý thức trách nhiệm của người dân trong việc thực hiện phân loại CTRSH tại nhà, cơ sở sản xuất, tạo thói quen và ý thức tự giác phân loại CTRSH, tái sử dụng sản phẩm thải bỏ.

BVMT là sự nghiệp của cả nước, là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân, của toàn xã hội. Do vậy, yêu cầu hàng đầu của quản lý nhà nước về môi trường là thực hiện thông tin, truyền thông, phổ biến, bồi dưỡng pháp luật, ý thức đạo đức về BVMT đối với mọi đối tượng, mọi người dân, nhằm tăng cường sự hiểu biết và ý thức tự giác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày¹⁹. Do đó, chính quyền phường cần chú trọng đổi mới nội dung, hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục pháp luật về BVMT theo hướng đa dạng, dễ tiếp cận.

Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường thông qua hệ thống phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, phát thanh, báo chí và các nền tảng truyền thông khác.

Theo đó, cần thực hiện các chương trình phát thanh, truyền hình với nội dung thiết thực. Đồng thời, tăng cường phổ biến kiến thức, cập nhật thông tin về môi trường; duy trì hoạt động thông tin, truyền thông các phong trào toàn dân tham gia BVMT.

Tăng cường giáo dục môi trường trong các trường học; khuyến khích tổ chức các chương trình nhằm nâng cao tình yêu thiên nhiên, đất nước, ý thức tự giác BVMT của học sinh tại các trường học.

¹⁹ Nguyễn Quang Thuần (2024), “*Quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, Tạp chí Công sản, tại: https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/quan-diem-cua-dang-ve-bao-ve-moi-truong-trong-qua-trinh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc#:~:text=Th%E1%BB%B1c%20hi%E1%BB%87n%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i%20h%C3%B3a,th%E1%BB%A9c%20b%E1%BA%A3o%20v%E1%BB%87%20m%C3%B4i%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%E2%80%A6

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào như phong trào Xanh - Sạch - Đẹp, gia đình văn hóa, vệ sinh tốt...Cải thiện ý thức BVMT thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề về BVMT. Việc lồng ghép nội dung BVMT vào các phong trào, cuộc vận động ở các Tổ dân phố, thực hiện nếp sống văn minh đô thị sẽ tăng cường cải thiện ý thức trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn môi trường sống, song song đó, hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý nhà nước về môi trường của địa phương.

Thứ hai, nâng cao năng lực và trách nhiệm gắn với tăng cường kiểm tra, xử lý sai phạm pháp luật về BVMT tại địa phương.

Hiệu quả thực thi pháp luật về BVMT phụ thuộc trực tiếp vào khả năng chuyên môn, kỹ năng và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thực hiện. Thực tiễn cho thấy chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường ở cấp cơ sở còn thiếu về biên chế, thường kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, hạn chế về chuyên môn. Do đó, cần hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên trách; ưu tiên tuyển dụng nhân sự được đào tạo bài bản nhằm phù hợp mục tiêu quản lý trong quá trình đô thị hóa và phát triển.

Đồng thời, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về thẩm định, đánh giá tác động môi trường, quản lý và xử lý chất thải, phòng ngừa ô nhiễm, cũng như kỹ năng quản lý và xử lý sai phạm. Các chương trình tập huấn cần gắn với thực tiễn địa phương, kết hợp học tập mô hình quản lý hiệu quả để nâng cao năng lực vận dụng tại địa phương.

Song song với cải thiện năng lực chuyên môn, cần chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức công vụ, tăng cường trách nhiệm, tính kiên quyết trong xử lý các hành vi vi phạm; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh nhằm hoàn thiện đội ngũ chuyên viên có tinh thần liêm chính, khách quan trong thực thi công vụ.

Việc kết hợp giữa kiện toàn đội ngũ và tăng cường quản lý, giải quyết triệt để các sai phạm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về BVMT.

Vì vậy, cần tăng cường việc nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ chuyên viên làm công tác môi trường, nhất là thanh tra, kiểm tra, lập hồ sơ và giải quyết trong lĩnh vực BVMT. Cần bố trí đủ nhân lực chuyên trách, có chính sách đãi ngộ, khuyến khích

phù hợp nhằm tăng cường tính chuyên nghiệp và trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.

Thứ ba, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm là điểm quan trọng nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật về BVMT. Cần chủ động phối hợp trong việc tổ chức quản lý, kiểm soát định kỳ và đột xuất đối với các chủ thể có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Nên thành lập bộ phận chuyên trách thực hiện công tác quản lý việc bảo vệ và thi hành pháp luật về BVMT. Việc kiện toàn bộ phận này nhằm bảo đảm công tác BVMT trên từng khu vực quản lý được triển khai cụ thể, thống nhất; đồng thời đưa rõ trách nhiệm cho từng cá nhân, qua đó nâng cao tính chủ động, đầy đủ và hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát. Việc xử lý vi phạm được thực hiện kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch và có tác dụng răn đe, phòng ngừa vi phạm.

Thứ tư, phát huy vai trò giám sát của người dân và các Hội, đoàn thể. Người dân và các tổ chức chính trị – xã hội là lực lượng chủ yếu trong việc giám sát đối với hoạt động BVMT. Do đó, cần tạo điều kiện thuận lợi để người dân và các đoàn thể tham gia kiểm soát việc bảo vệ môi trường; kịp thời tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của nhân dân liên quan đến các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Việc nâng cao vị trí của người dân không chỉ góp phần tăng cường khả năng quản lý nhà nước về môi trường mà còn thúc đẩy xây dựng theo quen chung trong xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển lâu dài và bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của người dân.²⁰

Thứ năm, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội và đầu tư thích đáng nhằm phát huy hiệu quả sử dụng pháp luật về BVMT. Luật BVMT năm 2005 đã thể hiện khá rõ quan điểm xã hội hóa hoạt động BVMT: “Bảo vệ môi trường là quyền,

²⁰ Doãn Hùng, 2022, Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi Luật Bảo vệ môi trường, Trang thông tin điện tử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tại: <https://mattran.org.vn/cac-cuoc-van-dong-phong-trao-thi-dua/giai-phap-nang-cao-hieu-qua-thuc-thi-luat-bao-ve-moi-truong-47929.html>.

nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân”²¹.

Nguồn lực tài chính và điều kiện vật chất quyết định hiệu quả quản lý môi trường tại phường. Thực tiễn cho thấy, kinh phí dành cho công tác BVMT ở cấp xã còn ít, trong khi yêu cầu quản lý ngày càng cao và phức tạp. Do đó, Nhà nước cần quan tâm bố trí kinh phí hợp lý, ổn định ở cấp xã, ưu tiên đầu tư các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đo đạc các chỉ số môi trường như tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn.

Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, cần khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa thông qua sự chung tay của doanh nghiệp, tổ chức và người dân vào các chương trình, mô hình BVMT, qua đó tăng cường hiệu quả và tính bền vững của công tác BVMT tại địa phương.

Trước hết, tăng cường vai trò của cộng đồng dân cư trong giám sát việc thực hiện chủ trương và pháp luật về BVMT; phát huy cơ chế để người dân trực tiếp tham gia giải quyết các xung đột môi trường tại cơ sở. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, giáo dục thông qua mạng lưới đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; lồng ghép nội dung BVMT vào các phong trào thi đua, cuộc vận động. Đồng thời, quan tâm hoàn thiện và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết BVMT tại các Tổ dân phố; gắn BVMT với tiêu chí đánh giá, khen thưởng ở cộng đồng dân cư.

Bên cạnh đó, cần lồng ghép yếu tố môi trường trong các chương trình, dự án, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu BVMT.

Trong tương lai cần làm tốt các nhiệm vụ sau để xã hội hóa công tác BVMT, cụ thể:

Tăng cường vai trò của cộng đồng dân cư trong việc giám sát thực hiện các chính sách và pháp luật BVMT. Cộng đồng trực tiếp tham gia giải quyết các xung đột môi trường. Thiết lập hệ thống thông tin, đổi mới nhận thức môi trường với sự tham gia của các đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ, Tổ chức xây dựng lực lượng

²¹ Khoản 1, Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

tuyên truyền viên về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai thí điểm chương trình cung cấp thông tin môi trường đến người dân²².

Lồng ghép yếu tố môi trường trong các chương trình, dự án của địa phương.

Quan tâm hoàn thiện và bảo đảm thực hiện hiệu quả các quy ước, hương ước và cam kết về BVMT và tăng cường hoạt động của tổ tự quản về môi trường tại các Tổ dân phố.

Về đầu tư, đảm bảo thực hiện thống nhất nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, song song đó đa dạng hóa hình thức và nguồn lực đầu tư cho BVMT. Hình thức đầu tư bao gồm đóng góp bằng tài chính, ngày công lao động, sáng kiến kỹ thuật và các nguồn lực xã hội khác; vận động doanh nghiệp chủ động đầu tư cho hoạt động phòng ngừa và giữ gìn môi trường trong phạm vi quản lý. Ngân sách nhà nước giữ vị trí quan trọng đối với các chương trình, dự án có tính liên vùng, liên ngành hoặc mang ý nghĩa quốc gia; đồng thời tăng cường huy động vốn ODA, vốn tín dụng ưu đãi và thúc đẩy mô hình hợp tác công – tư trong lĩnh vực môi trường.

Việc kết hợp đồng bộ giữa xã hội hóa và đầu tư thích đáng không chỉ tạo nguồn lực tài chính và sự đồng thuận xã hội mà còn nâng cao tính tuân thủ, hiệu quả áp dụng pháp luật về BVMT trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động đầu tư cho BVMT nên được thực hiện theo hướng huy động nguồn lực từ xã hội, bảo đảm huy động đa dạng các nguồn lực trong nước và quốc tế, đồng thời tuân thủ nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Phương thức xã hội hóa và nguyên tắc này cần được quán triệt và thực hiện thống nhất ở mọi cấp quản lý, cũng như lan tỏa đến từng cá nhân trong cộng đồng dân cư²³.

²² Trương Văn Đạt và Phạm Ngọc Bách (2025), “*Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường*”, Tạp chí Môi trường, tại: <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/Phat-huy-vai-tro-giam-sat-cua-cong-dong-trong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-19328>

²³ Thùy Chi (2025), “*Hà Nội chuyển mình toàn diện trong bảo vệ môi trường và quản lý chất thải đô thị*”, Báo Điện tử Chính phủ - Chuyên trang Thủ đô Hà Nội, tại: <https://thanglong.chinhphu.vn/ha-noi-chuyen-minh-toan-dien-trong-bao-ve-moi-truong-va-quan-ly-chat-thai-do-thi-103251029090956378.htm#:~:text=T%E1%BB%AB%20th%E1%BB%A7%20c%C3%B4ng%20C4%91%E1%BA%BFn%20c%C6%A1,quan%20v%C3%A0%20hi%E1%BB%87u%20qu%E1%BA%A3%20th%E1%BA%A5p.&text=Nh%E1%BA%B1m%20kh%E1%BA%AFc%20ph%E1%BB%A5c%20t%C3%ACnh%20tr%E1%BA%A1ng,su%E1%BA%A5t%20v%C3%A0%20t%C3%ADnh%20chuy%C3%AAn%20ngh%E1%BB%87p>

Đầu tư cho BVMT cần được thực hiện bằng nhiều hình thức về phương thức nhằm tận dụng triệt để các nguồn lực từ cộng đồng. Các dạng đầu tư bao gồm đóng góp về trí tuệ, nguồn lực vật chất, ngày công lao động và nguồn tài chính. Toàn xã hội chung tay vào hoạt động đầu tư BVMT dưới nhiều cách khác nhau, trong đó chú trọng các chương trình, dự án mang tính cộng đồng.

Bên cạnh đó, đầu tư phải được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú về nguồn vốn. Nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường được huy động từ ngân sách nhà nước, đóng góp mọi thành phần kinh tế, nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, cũng như sự góp sức của người dân. Khuyến khích áp dụng mô hình Nhà nước và tư nhân cùng đầu tư để xử lý các yếu tố liên quan đến BVMT²⁴.

3.2.2. Kiến nghị cấp tỉnh, Trung ương

Thứ nhất, tăng mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT. Qua việc áp dụng pháp luật về BVMT trên địa bàn phường Phan Thiết cho thấy, mức xử phạt tiền dành cho một số trường hợp hiện nay còn thấp, chưa đủ sức răn đe, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả tạo nên đối với môi trường đô thị. Điều này dẫn đến tình trạng một số tổ chức, cá nhân sẵn sàng nộp phạt để tiếp tục vi phạm, làm giảm tính răn đe của pháp luật.

Một số sai phạm về môi trường phổ biến tại địa bàn như thải rác không đúng nơi, xả thải sinh hoạt không đúng quy định, gây tiếng ồn... theo các quy định tại Nghị định 45/2022/NĐ-CP có thể chỉ bị xử phạt ở mức phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền tương đối thấp, không tương xứng với mức thiệt hại môi trường và chi phí khắc phục hậu quả sau đó. Điều này làm giảm hiệu lực răn đe, có xu hướng chấp nhận hình phạt để tái phạm.

Do đó, cần thiết nghiên cứu, điều chỉnh tăng mức tiền phạt đối với các sai phạm phổ biến như xả rác thải sinh hoạt, nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, gây

²⁴ Bích Lan -Vũ Hiếu (2025), “*Ưu tiên nguồn lực đầu tư từ ngân sách kết hợp huy động các nguồn xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường*”, Công Thông tin điện tử Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, tại: <https://quochoi.vn/ubkhnmt/giamsat/Pages/giamsat.aspx?ItemID=801#:~:text=%C6%AFu%20ti%C3%AAAn%20ngu%E1%BB%93n%20l%E1%BB%B1c%20%C4%91%E1%BA%A7u%20t%C6%B0%20t%E1%BB%AB,%E1%BB%A9ng%20ph%C3%B3%20v%E1%BB%9B%20bi%E1%BA%BFn%20%C4%91%E1%BB%95i%20kh%C3%AD%20h%E1%BA%ADu>.

tiếng ồn vượt quy chuẩn cho phép, đổ thải trái phép tại khu dân cư... Việc tăng mức xử phạt cần được triển khai dựa trên phân loại cụ thể mức độ vi phạm, bảo đảm tính công bằng, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương, đồng thời gắn với các biện pháp xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả.

Bên cạnh đó, cần tăng cường áp dụng nghiêm các biện pháp xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động có thời hạn, buộc khôi phục tình trạng môi trường ban đầu, buộc chi trả chi phí khắc phục ô nhiễm, nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và răn đe trong công tác BVMT.

Thứ hai, kiến nghị xây dựng hệ thống đô thị thông minh (IOC) tại các đô thị để quản lý, theo dõi và xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Xu hướng xây dựng đô thị thông minh với Trung tâm Điều hành đô thị thông minh (Intelligent Operation Center – IOC) đang được nhiều địa phương triển khai nhằm tăng cường năng lực kiểm soát, điều hành và giám sát thông tin, dữ liệu trên không gian số.

Việc triển khai hệ thống IOC tại cấp xã trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp sẽ tăng cường hiệu quả việc giám sát các sai phạm về trật tự đô thị, quản lý đất đai, xử lý sự cố – điều này gợi mở giải pháp ứng dụng tương tự tại cấp xã.

Từ thực tế đã được áp dụng trước đây tại thành phố Phan Thiết cũ (trước khi bỏ cấp huyện), Trung tâm IOC Phan Thiết tích hợp nhiều phân hệ quan trọng như: Phản ánh hiện trường, Camera giám sát an ninh trật tự, giám sát thông tin báo chí – truyền thông và các phân hệ hỗ trợ báo cáo kinh tế – xã hội. Phân hệ Phản ánh hiện trường đã tiếp nhận hơn 1.100 phản ánh của người dân thông qua ứng dụng “Phan Thiết – S”, trong đó hơn 1.000 phản ánh đã được xử lý, với tỷ lệ hài lòng khoảng 85% từ cộng đồng người dùng. Điều này chứng tỏ hệ thống số hóa tiếp nhận, quản lý và theo dõi xử lý thông tin từ người dân giúp tăng cường hiệu quả tương tác giữa người dân với chính quyền, xử lý vấn đề phát sinh một cách nhanh chóng và minh bạch²⁵.

²⁵ Báo Lâm Đồng, Trung tâm điều hành đô thị thông minh IOC Phan Thiết: “Bộ não số” xây dựng thành phố thông minh, <https://baolamdong.vn/trung-tam-dieu-hanh-do-thi-thong-minh-ioc-phan-thiet-bo-nao-so-xay-dung-thanh-pho-thong-minh-376905.html>.

Qua các điều trên, tác giả đề xuất xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống IOC tại phường Phan Thiết theo hướng gắn trực tiếp với hoạt động thi hành pháp luật về BVMT, cụ thể:

Xây dựng hệ thống IOC tại các đô thị có chức năng tiếp nhận, quản lý và theo dõi các thông tin, phản ánh về vi phạm pháp luật về BVMT như xả rác thải nước thải chưa qua xử lý không đúng quy định, gây tiếng ồn vượt quy chuẩn, đổ thải trái phép trong khu dân cư. Hệ thống này cần được kết nối đồng bộ, nhằm bảo đảm thông tin được xử lý thống nhất, kịp thời và có sự giám sát liên thông.

Sử dụng IOC như một công cụ hỗ trợ trực tiếp cho việc ngăn ngừa và giải quyết các sai phạm trong lĩnh vực BVMT. Dữ liệu từ camera giám sát, phản ánh nguồn thông tin có thể được dùng làm căn cứ ban đầu để kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm, qua đó rút ngắn thời gian và tăng cường tính chính xác, khách quan trong áp dụng pháp luật.

Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong áp dụng pháp luật về BVMT bằng cách công khai kết quả xử lý vi phạm trên hệ thống IOC. Người dân có thể theo dõi quá trình giải quyết phản ánh của mình, từ đó góp phần giám sát hoạt động của chính quyền địa phương và nâng cao niềm tin của Nhân dân vào hiệu quả thực thi pháp luật.

Kết hợp triển khai IOC với việc nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ phường trong công tác bảo vệ môi trường. Cán bộ phụ trách cần được đào tạo về kỹ năng công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu số và phối hợp giải quyết sai phạm môi trường trên nền tảng số.

Việc xây dựng và vận hành hệ thống đô thị thông minh (IOC) tại phường Phan Thiết là giải pháp quản lý kỹ thuật đồng thời còn là công cụ quan trọng hỗ trợ thực thi hiệu quả pháp luật về bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân và hướng tới đỉnh hướng phát triển lâu bền.

Thứ ba, xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, bảo đảm tính phù hợp và khả năng đo lường bằng thiết bị kỹ thuật, làm cơ sở

cho việc kiểm soát, giải quyết các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Thực tiễn cho thấy, mặc dù hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về BVMT đã được ban hành tương đối đầy đủ, song việc đưa vào thực tế còn gặp nhiều hạn chế. Một trong những vướng mắc điển hình là việc đo lường, xác định mức độ ô nhiễm tiếng ồn. Việc đo tiếng ồn đòi hỏi phải được thực hiện bằng thiết bị chuyên dụng, trong điều kiện không gian phù hợp, hạn chế tối đa tạp âm nhằm bảo đảm tính chính xác của kết quả đo. Điều này trên thực tế chỉ khả thi đối với các cơ sở kinh doanh liên quan đến âm thanh như vũ trường, quán bar, karaoke. Trong khi đó, nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn phổ biến hiện nay lại chủ yếu phát sinh từ các hộ gia đình, đặc biệt là việc sử dụng loa di động trong khu dân cư. Do đặc thù môi trường đo lường ngoài trời thường xuyên bị nhiễu bởi các tạp âm xung quanh, cơ quan chức năng mặc dù có căn cứ xác định hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc đo đạc, xác định thông số kỹ thuật làm cơ sở xử lý vi phạm. Đó là một trong những bất cập nổi bật, gây áp lực không nhỏ cho chính quyền cơ sở trong công tác quản lý và xử lý sai phạm về BVMT.

Từ thực trạng nêu trên, đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn theo hướng phù hợp hơn với tình hình thực tiễn ở khu dân cư. Cụ thể, cần nghiên cứu xây dựng các ngưỡng đánh giá tiếng ồn đơn giản, dễ áp dụng; cho phép sử dụng kết quả đo trong điều kiện môi trường thực tế có tạp âm nhất định; đồng thời bổ sung các tiêu chí nhận diện hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn làm căn cứ xử lý, bên cạnh việc đo lường thuần túy bằng thiết bị. Song song đó, cần tăng cường trang bị thiết bị đo phù hợp cho cấp cơ sở và hoàn thiện cơ chế phối hợp, phân định trách nhiệm rõ ràng giữa các lực lượng chức năng, qua đó tăng cường hiệu quả áp dụng pháp luật về phòng, chống ô nhiễm tiếng ồn tại địa bàn dân cư.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về BVMT. Việc áp dụng pháp luật tại phường Phan Thiết cho thấy, mặc dù Luật BVMT năm 2020 đã có nhiều điểm đổi mới tiến bộ, song một số quy định vẫn mang tính khung, cần được cụ thể hóa bằng các văn bản dưới luật để bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện ở cấp cơ sở. Do đó, cần sớm ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn chi tiết, đặc biệt đối với những nội dung giao cho cấp cơ sở

trực tiếp triển khai thực hiện như quản lý chất thải sinh hoạt, bảo vệ môi trường khu dân cư, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

Cập nhật các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường để đáp ứng với điều kiện thực tế, đặc biệt là những thách thức như biến đổi khí hậu, ô nhiễm rác thải nhựa, suy giảm đa dạng sinh học; thiết lập các chuẩn môi trường cụ thể rõ ràng, đo lường được và có thể giám sát hiệu quả; Tăng cường chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm, bao gồm cả hình sự hóa một số hành vi gây ô nhiễm nghiêm trọng; Đồng thời, nâng cao năng lực thực thi giám sát bằng cách thành lập các đơn vị thanh tra môi trường riêng biệt, có quyền hạn thực tế, biết ứng dụng công nghệ số (IoT, AI, GIS) để giám sát môi trường theo thời gian thực, công khai thông tin môi trường để người dân cùng giám sát; Tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp và áp dụng cơ chế "người gây ô nhiễm phải trả tiền": doanh nghiệp phải chịu chi phí xử lý chất thải; Khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi xanh thông qua chính sách ưu đãi thuế, vốn vay cho các mô hình sản xuất sạch hơn; Yêu cầu công bố báo cáo bền vững hàng năm đối với các công ty niêm yết hoặc có quy mô lớn.²⁶

Bên cạnh đó, cần tiến hành rà soát, hệ thống hóa các quy định pháp luật nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc thiếu thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật, qua đó tạo điều kiện pháp lý rõ ràng, thuận lợi cho chính quyền phường trong việc áp dụng và thực thi pháp luật về BVMT.

Thứ năm, tập trung đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cho hoạt động BVMT. Phương án này bắt nguồn từ vai trò to lớn của khoa học công nghệ đối với môi trường. Hiện nay, khoa học công nghệ đã dần thể hiện tốt vai trò có ích với môi trường và góp phần gìn giữ, cải thiện môi trường. Do vậy cần tập trung đầu tư nhiều hơn cho hoạt động này.

Khuyến khích và triển khai nhanh các đề tài, chương trình ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong việc xử lý ô nhiễm, suy thoái môi trường; Tận dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, năng lượng; Có cơ chế, chính sách ưu đãi những chủ thể sản xuất,

²⁶ Dương Đức Chính (2025). Pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam: Thực trạng và hướng hoàn thiện Tạp chí Công thương, tại: <https://tapchicongthuong.vn/phap-luat-bao-ve-moi-truong-o-viet-nam--thuc-trang-va-huong-hoan-thien-151840.htm>

kinh doanh ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; khuyến khích phát triển năng lượng sạch như năng lượng từ gió, điện địa nhiệt, thủy điện; thực hiện phát động mạnh mẽ các chương trình tiết kiệm năng lượng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và pháp lý đã được làm rõ ở Chương 1 và thực trạng áp dụng pháp luật BVMT tại phường Phan Thiết được phân tích ở Chương 2, Chương 3 của luận văn đã đề xuất hệ thống phương án nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về BVMT tại địa phương. Các giải pháp được xây dựng bắt nguồn từ yêu cầu cấp thiết của công tác quản lý môi trường ở cấp xã trong bối cảnh đô thị hóa và phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.

Nội dung Chương 3 chú trọng vào các nhóm giải pháp chủ yếu như: tăng cường vai trò quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; củng cố tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường; đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát việc tuân thủ pháp luật; nâng cao hiệu quả thông tin, truyền thông, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; thúc đẩy xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; đồng thời chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng khoa học – công nghệ trong quản lý môi trường. Đây là những giải pháp có tính khả thi, đáp ứng điều kiện của phường Phan Thiết cùng định hướng chung của Nhà nước về tăng trưởng lâu dài.

Qua đó, Chương 3 khẳng định rằng việc hoàn thiện cơ chế thực thi và nâng cao năng lực áp dụng pháp luật về BVMT tại phường Phan Thiết là yêu cầu tất yếu nhằm khắc phục những bất cập hiện nay, từng bước kiểm soát ô nhiễm, tăng cường chất lượng môi trường sống, tăng cường hiệu quả quản lý đô thị trong giai đoạn mới.

Những giải pháp được đề xuất trong Chương 3 là cơ sở thực tiễn quan trọng để các địa phương tham khảo, ứng dụng trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về BVMT, song song đó tạo tiền đề cho việc tăng cường hiệu quả công tác quản lý môi trường theo hướng bền vững và hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường và phân tích thực tiễn áp dụng tại phường Phan Thiết, luận văn đã làm sáng tỏ những yêu cầu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về pháp luật BVMT, làm rõ khái niệm, vị trí, nội dung điều chỉnh và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật BVMT trong điều kiện đô thị hóa, hiện đại hóa ngày nay. Qua đó khẳng định pháp luật là công cụ quan trọng, có tính định hướng, cưỡng chế và bảo đảm thực hiện trong công tác BVMT.

Thứ hai, thông qua việc phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật BVMT tại phường Phan Thiết, luận văn đưa ra những kết quả đạt được như: công tác quản lý nhà nước về môi trường đi vào quy củ; ý thức BVMT của một bộ phận người dân được cải thiện; hệ thống xử lý rác thải và giữ gìn vệ sinh môi trường được duy trì thường xuyên. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy còn tồn tại nhiều hạn chế như: hạ tầng môi trường chưa đồng bộ; công tác quy hoạch còn bất cập; tình trạng vi phạm pháp luật về môi trường vẫn tiếp diễn; nguồn lực và năng lực quản lý môi trường ở cơ sở còn hạn chế.

Thứ ba, từ những đánh giá trên, luận văn khẳng định hiệu quả áp dụng pháp luật BVMT tại phường Phan Thiết chưa tương xứng với yêu cầu phát triển đô thị hiện nay, đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ về pháp lý, tổ chức thực hiện, nguồn lực và cải thiện nhận thức người dân nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu lực của pháp luật trong điều kiện thực tế.

Để các giải pháp hoàn thiện việc áp dụng pháp luật BVMT tại phường Phan Thiết có thể được triển khai hiệu quả, đề án đề xuất một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, về nguồn lực thực hiện, cần tăng cường bố trí ngân sách cho công tác BVMT; ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý rác thải, thoát nước và các công trình hạ tầng môi trường thiết yếu. Đồng thời, chú trọng tăng cường chuyên môn cho đội ngũ chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường tại phường nhằm phù hợp với mục tiêu quản lý trong điều kiện đô thị hóa nhanh.

Thứ hai, về chính sách và cơ chế quản lý, cần hoàn thiện các quy định cụ thể hóa pháp luật BVMT phù hợp với đặc thù đô thị; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của chính quyền cơ sở; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong quản lý môi trường. Đồng thời, nên áp dụng nhất quán các chế tài xử lý vi phạm để bảo đảm tính răn đe của pháp luật.

Thứ ba, về tổ chức thực thi pháp luật, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT bằng các hình thức phù hợp với dân cư đô thị; phát huy vai trò của các Tổ dân phố, tổ chức và người dân trong giám sát, phản ánh vi phạm về môi trường. Vận động sự tham gia của doanh nghiệp và người dân trong các hoạt động BVMT theo hướng xã hội hóa.

Thứ tư, về quy hoạch và phát triển đô thị, cần bảo đảm lồng ghép chặt chẽ nội dung BVMT trong quy hoạch phát triển đô thị; chú trọng quy hoạch thoát nước, cây xanh, không gian công cộng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Do giới hạn về thời gian, phạm vi và nguồn tài liệu, luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật BVMT tại phường Phan Thiết, chưa có điều kiện so sánh sâu với các địa phương đô thị khác. Một số giải pháp đề xuất mới dừng ở mức định hướng chung, chưa đi sâu phân tích tính khả thi trong từng lĩnh vực cụ thể.

Từ đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo các hướng: nghiên cứu so sánh việc áp dụng pháp luật BVMT giữa các đô thị; đánh giá chuyên sâu hiệu quả trong quản lý môi trường đô thị; hoặc nghiên cứu tác động của chuyển đổi mô hình quản lý đô thị đến hiệu quả BVMT trong bối cảnh hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Quốc hội, Luật Bảo vệ môi trường (72/2020/QH14) ngày 17/11/2020;
2. Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
3. Quốc hội, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 28/11/2013

B. Văn bản hành chính

1. UBND thành phố Phan Thiết, 2025. Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 10/11/2025 về công tác bảo vệ môi trường năm 2024 trên địa bàn thành phố Phan Thiết.
2. UBND thành phố Phan Thiết, 2024. Báo cáo số 63/BC-UBND ngày 27/02/2024 về công tác bảo vệ môi trường năm 2023.
3. UBND thành phố Phan Thiết, 2022. Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 25/02/2022 về công tác bảo vệ môi trường năm 2021.
4. Công ty Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận, 2024. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024.
5. Công ty Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận, 2023. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
6. Chính phủ, 2022. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
7. Chính phủ, 2022. Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (45/2022/NĐ-CP).
8. Chính phủ, 2025. Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9. Chính phủ, 2025. Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
10. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2022. Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

11. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021. Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường

12. UBND phường Phan Thiết, 2026. Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 09/01/2026 về công tác bảo vệ môi trường năm 2025 phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

13. Chính phủ, 2025. Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường ngày 12/7/2025.

14. Chính phủ, 2019. Nghị định 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

15. Chính phủ. 2022. Nghị định 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

16. Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2020. Thông tư số 19/2020/TT-BTNMT Ban hành Danh mục chất phân tán được phép sử dụng trong vùng biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển.

17. Tổng cục Thống kê. 2025. Báo cáo xử lý nước thải khu công nghiệp.

C. Sách, báo, tạp chí

1. TS. Võ Trung Tín, 2020. *Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền*. Sách nguyên bản. Hà Nội: Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật.

2. Nguyễn Thanh, 2016, Bình Thuận nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý rác thải ven biển. *Báo ảnh Dân tộc và miền núi*, [trực tuyến], tại <https://dantocmiennui.baotintuc.vn/binh-thuan-nang-cao-hieu-qua-thu-gom-xu-ly-rac-thai-ven-bien-post115640.html>, [Truy cập ngày 03/11/2016]

3. Mạnh Hùng, 2022, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) năm 2020 tạo bước tiến lớn trong công tác bảo vệ môi trường ở nước ta. *Tạp chí Cộng sản*, [trực tuyến], tại: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/826011/luat-bao-ve-moi-truong-%28sua-doi%29-nam-2020-tao-buoc-tien->

[lon-trong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-o%C2%A0nuoc-ta.aspx#](#), [Truy cập ngày 05/09/2022].

5. Kiều Hằng, 2025, Phan Thiết: Làm sạch môi trường không phải vì thành tích. *Báo Lâm Đồng*, [trực tuyến], tại: <https://baolamdong.vn/phan-thiet-lam-sach-moi-truong-khong-phai-vi-thanh-tich-392852.html>; [Truy cập ngày 24/09/2025]

10. Trần Thường, Quang Phong, & Thu Hằng. 2024. Bộ trưởng TN&MT: Thực trạng mới thu gom được 17% nước thải sinh hoạt. *Báo điện tử Vietnamnet*, tại <https://vietnamnet.vn/bo-truong-tnmt-thuc-trang-moi-thu-gom-duoc-17-nuoc-thai-sinh-hoat-2287526.html>, [Truy cập ngày 04/6/2024].

11. Văn Chiến, 2025, Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác bảo vệ môi trường, giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn. *Tạp chí Công nghiệp môi trường*, [trực tuyến], tại <https://congnghiepmoitruong.vn/nang-cao-hieu-qua-hieu-luc-cong-tac-bao-ve-moi-truong-giai-quyet-triet-de-tinh-trang-o-nhiem-moi-truong-tren-dia-ban-15782.html>, [Truy cập ngày 13/10/2025].

12. Cát Tường, 2024, Trung tâm điều hành đô thị thông minh IOC Phan Thiết: “Bộ não số” xây dựng thành phố thông minh, *Báo Lâm Đồng*, [trực tuyến], tại <https://baolamdong.vn/trung-tam-dieu-hanh-do-thi-thong-minh-ioc-phan-thiet-bo-nao-so-xay-dung-thanh-pho-thong-minh-376905.html>, [Truy cập ngày 27/9/2024].

13. Thu Hằng, 2025, Đề xuất tăng mức phạt, công khai vi phạm bảo vệ môi trường, *Báo Nhân dân*, [trực tuyến], tại https://nhandan.vn/de-xuat-tang-muc-phat-cong-khai-vi-pham-bao-ve-moi-truong-post918741.html?utm_source=chatgpt.com. [Truy cập ngày 28/10/2025].

14. Hà Lan, Vũ Hiếu, UBTVQH xem xét Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, *Cổng Thông tin điện tử Quốc hội*, tại: <https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=95827>, [Truy cập ngày 26/09/2025].

15. Tùng Đình, 2025, Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*, tại: <https://mae.gov.vn/dat->

[dai/nang-cao-hieu-qua-thuc-hien-chinh-sach-phap-luat-ve-bao-ve-moi-truong-20594.htm?utm_source=chatgpt.com](#) [Truy cập ngày 17/12/2025].

16. Hải Liên, 2025, Báo Điện tử Chính phủ, Thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đạt nhiều kết quả tích cực, https://baochinhphu.vn/thuc-hien-chinh-sach-phap-luat-ve-bao-ve-moi-truong-dat-nhieu-ket-qua-tich-cuc-10225102810480448.htm?utm_source=chatgpt.com.

17. Doãn Hùng, 2022, Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi Luật Bảo vệ môi trường, *Trang thông tin điện tử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, [trực tuyến] tại: <https://mattran.org.vn/cac-cuoc-van-dong-phong-trao-thi-dua/giai-phap-nang-cao-hieu-qua-thuc-thi-luat-bao-ve-moi-truong-47929.html>, [Truy cập ngày 20/11/2022].